

Số: 1908/TB-PPC

Hải Dương, ngày 17 tháng 4 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;
- Quý Cổ đông.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 - Mã chứng khoán: PPC
 - Địa chỉ trụ sở chính: Km28, QL18, Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương
 - Điện thoại: 0220.3881126 Fax: 0220.3881338
 - Người CBTT: Nguyễn Hoàng Hải - Người đại diện theo Pháp luật
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://ppc.evn.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo số 1889/BC-PPC ngày 17/4/2024.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT (CBTT trên trang Web);
- Lưu: VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Hải

Số: 1889/BC-PPC

Hải Dương, ngày 17 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;
- Quý cổ đông.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**
- Tên giao dịch quốc tế: Pha Lai Thermal Power Joint-Stock Company
- Giấy chứng nhận: 0403000380 Ngày 25 tháng 01 năm 2006
- Đăng ký Kinh doanh số: 0800296853
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 25/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27/06/2022.
- Vốn điều lệ: **3.262.350.000.000 VND** (Ba nghìn hai trăm sáu mươi hai tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam)
- Vốn đầu tư của Chủ Sở hữu **3.262.350.000.000 VND**
- Trụ sở chính: Km28, QL18, P. Phả Lại - TP Chí Linh - tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 02203 881 126 Fax: 02203 881 338
- Website: <http://www.ppc.evn.vn>
- Mã cổ phiếu: **PPC**

Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) được thành lập theo Quyết định số 22 ĐL/TCCB ngày 26/4/1982 của Bộ Điện lực là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo Quyết định số 121NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005 Bộ Công nghiệp có Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18 tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006; đăng ký thay đổi lần 10: ngày 27 tháng 06 năm 2022.

Các mốc sự kiện quan trọng

| Năm | Sự kiện |
|------------|---|
| 1982 | Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại theo quyết định của Bộ Điện lực, trực thuộc Công ty Điện lực I. |
| 1983 | Tổ máy số 1 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành |
| 1984 | Tổ máy số 2 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành |
| 1985 | Tổ máy số 3 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành |
| 1986 | Tổ máy số 4 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành |
| 1995 | Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam |
| 2001 | Tổ máy số 5 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành |
| 2002 | Tổ máy số 6 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành |
| 2005 | Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại |
| 2005 | Bộ Công nghiệp có quyết định về việc chuyển Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. |
| 26/1/2006 | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. |
| 13/3/2006 | Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 1294/BCN-TCCB đồng ý về chủ |

| Năm | Sự kiện |
|------------|---|
| | trương bán tiếp cổ phần Nhà nước. |
| 15/5/2006 | Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 12/QĐ-TTGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. |
| 19/5/2006 | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK Hà Nội |
| 8/1/2007 | TTGDCK Hà Nội có quyết định chấp thuận hủy đăng ký giao dịch tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại để chuyển sang niêm yết tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh. |
| 17/01/2007 | UBCKNN có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh. |
| 26/01/2007 | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK TP Hồ Chí Minh. |

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện.
- Địa bàn kinh doanh: Km28, QL18, P. Phả Lại - TP Chí Linh - tỉnh Hải Dương.

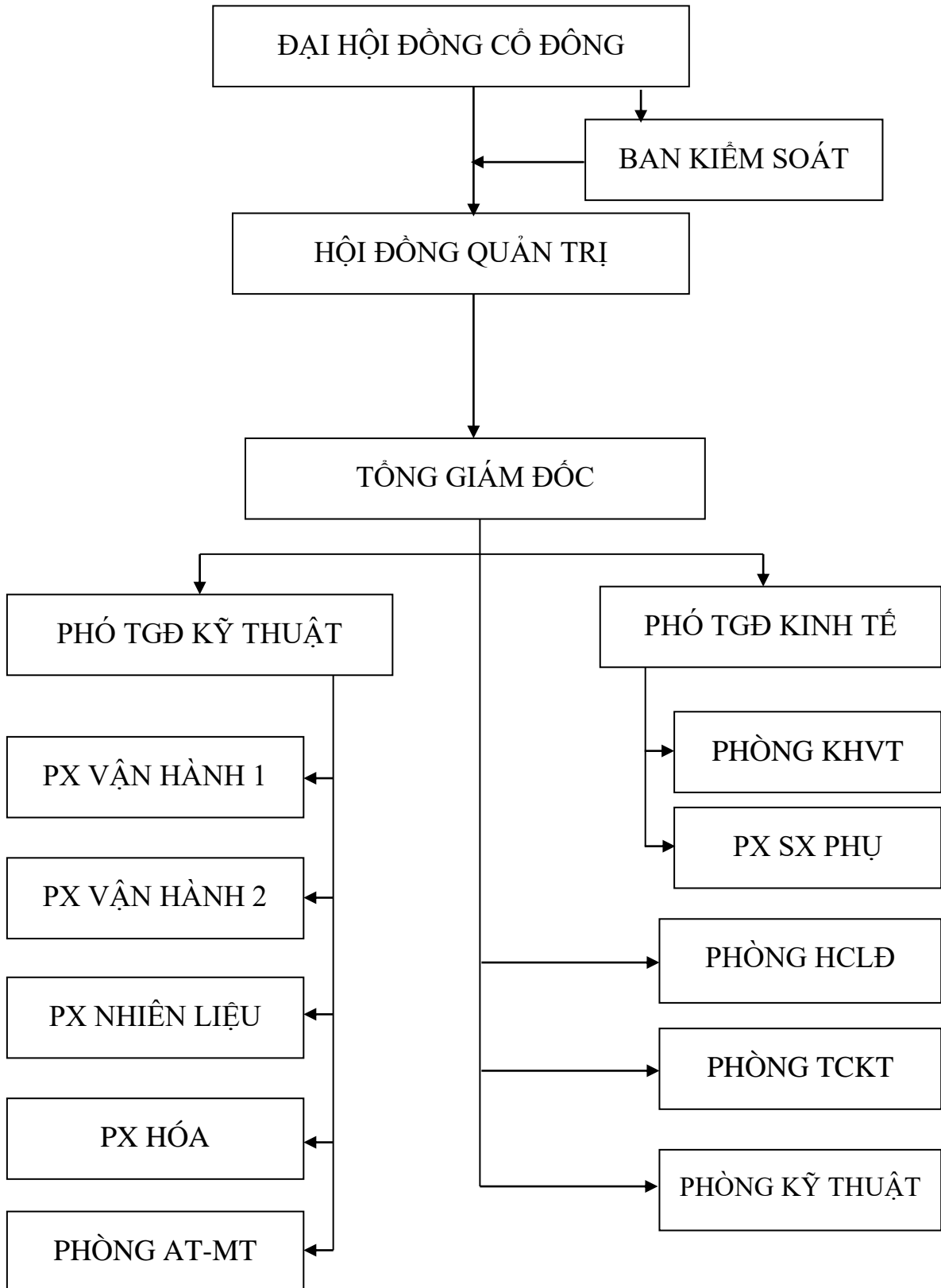
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Công ty có người phụ trách Quản trị Công ty.

Theo định kỳ 6 tháng và năm, Công ty đã lập, nộp và Công bố thông tin về báo cáo quản trị Công ty theo quy định.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

3.3. Các công ty con, Công ty liên kết

- Công ty con: Không.
- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
 - + Địa chỉ: Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
 - + Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
 - + Vốn thực góp: 1.451.055.770.150 VND
 - + Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 25,97%

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 5,5 tỷ kWh trở lên;
- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;
 - Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;
 - Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.
 - Thực hiện các dự án về môi trường nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất điện đi liền với hoạt động bảo vệ môi trường.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục việc thực hiện các dự án môi trường.
- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Tiếp tục duy trì khai thác bán xỉ, tro bay và thạch cao để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.
- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

5. Các rủi ro

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn với PPC, Tổ máy S6 PL2 sửa chữa đến 04/9/2023 mới đưa vào khai thác (kế hoạch ban đầu là 01/5/2023), Dây chuyền 1 các thiết bị đã xuống cấp, sự cố lò, máy chủ yếu ngừng dự phòng để khắc khắc phục khiếm khuyết thiết bị và ngừng sửa chữa do sự cố lọc bụi.

+ Sản lượng điện trong năm 2023 đạt:

- Sản lượng điện sản xuất: **3.525,40** triệu kWh, đạt 90,53% so với kế hoạch và bằng 110,26% so với năm 2022.

- Sản lượng điện thương phẩm: **3.188,32** triệu kWh, đạt 90,26% so với kế hoạch và bằng 110,79% so với năm 2022.

+ Việc bổ sung Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 3 vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia không được chấp thuận, ảnh hưởng lớn tới tình hình, định hướng phát triển của đơn vị.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2023 được hội đồng quản trị thông qua tại quyết định số 2497/QĐ-PPC ngày 30/5/2023. Ban điều hành Công ty đã nỗ lực đề ra những giải pháp trọng tâm để phấn đấu hoàn thành tốt nhất kế hoạch được giao. Tuy nhiên những yếu tố đã nêu trên tác động lớn

đến sản lượng điện của Công ty không đạt kế hoạch đề ra, tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty so với kế hoạch SXKD năm 2023 và so với năm 2022 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | So sánh/KH (%) | So sánh/2022 (%) |
|----------|---|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 5.562,23 | 6.109,97 | 6.280,29 | 102,79 | 112,91 |
| | Trong đó: | Tỷ đồng | | | | | |
| | - Doanh thu SXKD điện | Tỷ đồng | 5.251,72 | 5.840,34 | 5.795,98 | 99,24 | 110,36 |
| | - Doanh thu hoạt động tài chính: | Tỷ đồng | 295,25 | 248,49 | 464,41 | 186,89 | 157,29 |
| | - Doanh thu sản xuất khác và hoạt động khác | Tỷ đồng | 15,25 | 21,14 | 19,90 | 94,14 | 130,47 |
| 2 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 5.016,95 | 5.682,36 | 5.897,90 | 103,79 | 117,56 |
| | - Chi phí SXKD điện | Tỷ đồng | 4.892,92 | 5.676,34 | 5.777,31 | 101,78 | 118,07 |
| | - Chi phí hoạt động tài chính | Tỷ đồng | 2,62 | | (0,83) | | (31,48) |
| | - Chi phí sản xuất khác và hoạt động khác | Tỷ đồng | 121,42 | 6,02 | 121,42 | 2.017,21 | 100,00 |
| 3 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 545,28 | 427,61 | 382,39 | 89,42 | 70,13 |
| | - Lợi nhuận từ SX điện | Tỷ đồng | 358,81 | 164,00 | 18,67 | 11,38 | 5,20 |
| | - Lợi nhuận từ hoạt động tài chính | Tỷ đồng | 292,63 | 248,49 | 465,23 | 187,22 | 158,98 |
| | - Lợi nhuận khác | Tỷ đồng | (106,16) | 15,12 | (101,51) | (671,35) | 95,62 |
| 4 | Tổng lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 487,45 | 427,61 | 380,10 | 88,89 | 77,98 |

Ghi chú: Doanh thu thoái hoàn đã hạch toán hồi tố vào 2022, vì vậy số liệu kế hoạch và số liệu thực hiện không bao gồm doanh thu thoái hoàn.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành

| Số TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập | |
|-------|--------------------|---------------|--|--|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Mai Quốc Long | Chủ tịch HĐQT | 24/5/2023 | |
| 2 | Vũ Xuân Dũng | TV HĐQT | 23/4/2021 | Thôi là TV HĐQT từ 24/5/2023. Thôi là P.TGD và chuyển công tác từ 15/6/2023 |
| 3 | Nguyễn Quang Quyền | TV HĐQT | 23/4/2021 | |

| Số TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập | |
|-------|---------------------|-------------------|--|---------------------------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 4 | Lê Tuấn Hải | TV HĐQT độc lập | 23/4/2021 | |
| 5 | Nguyễn Xuân Diệm | TV HĐQT | 21/10/2021 | Thôi là CT HĐQT kể từ 24/5/2023 |
| 6 | Nguyễn Hoàng Hải | TV HĐQT TGD | 23/6/2022 – TV HĐQT | |
| 7 | Đinh Thị Diễm Quỳnh | Q. Kế toán trưởng | 1/9/2022 | |

Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành như sau:

| | | |
|----------|--------------------------|--|
| 1 | Ông Mai Quốc Long | |
| ❖ | Chức vụ hiện tại | Chủ tịch HĐQT |
| ❖ | Giới tính | Nam |
| ❖ | Ngày tháng năm sinh | 10/9/1978 |
| ❖ | Nơi sinh | TP. Hà Nội |
| ❖ | Quốc tịch | Việt Nam |
| ❖ | Dân tộc | Kinh |
| ❖ | Địa chỉ thường trú | P4 – C32, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội. |
| ❖ | Trình độ văn hoá | 12/12 |
| ❖ | Trình độ đào tạo | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, Cao cấp lý luận chính trị |
| ❖ | Quá trình công tác: | |
| | - Từ 12/2002 – 05/2006: | Chuyên viên phòng TCKT, Ban QLDA Thủy điện 1 |
| | - Từ 06/2006 – 11/2007: | Tổ trưởng Tổ Tài chính phòng TCKT, Ban QLDA Thủy điện 1; Phó Bí thư Đoàn thanh niên Ban QLDA Thủy điện 1 |
| | - Từ 12/2007 – 04/2011: | Phó trưởng phòng TCKT, Ban QLDA Thủy điện 1; Bí thư Đoàn thanh niên Ban QLDA Thủy điện 1 |
| | - Từ 05/2011 – 7/2011: | Chuyên viên phòng TCKT, Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn |
| | - Từ 08/2011 – 12/2012: | Trưởng phòng TCKT, Công ty TNHH MTV |

| | | |
|----------|---|---|
| | | Thủy điện Trung Sơn; Bí thư Chi bộ 3 – Đảng ủy viên Đảng bộ công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn |
| | - Từ 01/2013 – 14/4/2014: | Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn; Bí thư Chi bộ 3 – Đảng ủy viên Đảng bộ công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn |
| | - Từ 15/4/2014 đến T5/2023 | Kế toán trưởng Tổng Công ty Phát điện 2 |
| | - Từ 05/2015 – 23/05/2023 | Kế toán trưởng Tổng Công ty Phát điện 2; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Phát điện 2; Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Công đoàn Tổng Công ty Phát điện 2 |
| | - Từ 24/05/2023 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Số cổ phần nắm giữ | |
| | - Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ | 0 cổ phần |
| | - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước | Đại diện 30% Phần vốn NN của Tổng công ty phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 49.917.569 CP. |
| ❖ | Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ | Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| 2 | Ông Nguyễn Xuân Điện | Thành viên Hội đồng Quản trị Thôi là CT HĐQT kể từ 24/5/2023 |
| ❖ | Giới tính | Nam |
| ❖ | Ngày tháng năm sinh | 10/02/1976 |
| ❖ | Nơi sinh | Nam Định |
| ❖ | Quốc tịch | Việt Nam |
| ❖ | Dân tộc | Kinh |
| ❖ | Địa chỉ thường trú | TDP Cơ khí Yên Viên, X. Yên Viên, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội. |
| ❖ | Trình độ văn hoá | 12/12 |
| ❖ | Trình độ đào tạo | Thạc sỹ Kỹ thuật – Kỹ thuật điện |
| ❖ | Quá trình công tác: | |

| | | |
|----------|---|---|
| | - Từ 01/03/1998 - 01/05/2008 | Công nhân, Phân xưởng thí nghiệm và ĐLĐ, Công ty Điện lực Bắc Cạn |
| | - Từ 05/2008- 8/2009 | Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm tra giám sát, Công ty Điện lực Bắc Cạn |
| | - Từ 09/2009 - 14/07/2010 | Phó trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty Điện lực Bắc Cạn |
| | - Từ 15/07/2010 - 31/10/2013 | Chuyên viên, Phòng Kinh doanh điện, Công ty Mua bán điện |
| | - Từ 01/11/2013 – 15/5/2018 | Chuyên viên, Phòng VTLT- Văn phòng EVN |
| | - Từ 16/5/2018 - 30/11/2019 | Phó trưởng phòng Văn thư lưu trữ, VP Tập đoàn Điện lực Việt Nam |
| | - Từ 01/12/2019 - 31/12/2020 | Phó Trưởng Ban Tổng hợp Tổng công ty Phát điện 2 |
| | - Từ 01/01/2021– 20/10/2022 | Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ và Giám sát Tài chính, Tổng công ty Phát điện 2 |
| | - Từ 21/10/2022 – 30/4/2022 | Thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 01/05/2022 - 23/5/2023 | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 24/5/2023 đến nay | Thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Số cổ phần nắm giữ: | |
| | - Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ | 0 cổ phần |
| | - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước | Đại diện 40% Phần vốn NN của Tổng công ty phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 66.556.758CP. |
| ❖ | Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ | Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| 3 | Ông Nguyễn Hoàng Hải | |
| ❖ | Chức vụ hiện tại | Tổng Giám đốc Công ty |
| ❖ | Giới tính | Nam |
| ❖ | Ngày tháng năm sinh | 15/11/1977 |

| | | |
|----------|---|--|
| ❖ | Nơi sinh | Xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An |
| ❖ | Quốc tịch | Việt Nam |
| ❖ | Dân tộc | Kinh |
| ❖ | Địa chỉ thường trú | Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương |
| ❖ | Trình độ văn hoá | 12/12 |
| ❖ | Trình độ đào tạo | Thạc sỹ QTKD; Kỹ sư Hệ thống điện |
| ❖ | Quá trình công tác: | |
| | - Từ 02/2001– 09/2004 | CN vận hành Phân xưởng Vận hành 2 Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 10/2004 – 11/2007 | Trưởng ca Dây chuyền 2 Nhà máy điện Phả Lại |
| | - Từ 12/2007 – 15/06/2014 | Phó trưởng phòng kỹ thuật – Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 16/06/2014 – 10/2019 | Quản đốc phân xưởng Vận hành 2 – Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 1/11/2019 – 30/06/2022 | Phó Tổng Giám đốc– Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 01/07/2022 đến 20/4/2023 | Quyền Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của CTCP Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 21/4/2023 đến nay | Tổng Giám đốc CT CP Nhiệt điện Phả Lại |
| ❖ | Số cổ phần nắm giữ | |
| | - Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ | 7.000 cổ phần |
| | - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước | Đại diện 30% Phần vốn NN của Tổng công ty phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 49.917.569 CP. |
| ❖ | Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ | Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| 4 | Ông Đặng Kiên Quyết | |
| ❖ | Chức vụ hiện tại | Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/12/2022 |
| ❖ | Giới tính | Nam |
| ❖ | Ngày tháng năm sinh | 04/11/1979 |

| | | |
|----------|---------------------------------|---|
| ❖ | Nơi sinh | Văn An – Chí Linh – Hải Dương |
| ❖ | Quốc tịch | Việt Nam |
| ❖ | Dân tộc | Kinh |
| ❖ | Địa chỉ thường trú | Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương |
| ❖ | Trình độ văn hoá | 12/12 |
| ❖ | Trình độ đào tạo | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư hệ thống điện |
| ❖ | Quá trình công tác: | |
| | - Từ 10/2002-04/2004 | Công nhân vận hành Nhà máy điện Phả Lại |
| | - Từ 05/2004 – 04/2005 | Trưởng kíp vận hành điện Nhà máy điện Phả Lại |
| | - Từ 05/2005-01/2006 | Trưởng kíp vận hành điện Công ty Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 02/2006-04/2006 | Trưởng kíp vận hành điện Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 05/2006-04/2013 | Trưởng ca vận hành điện Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 01/2014- 10/2019 | Phó Quản đốc PX Vận hành 2, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 11/2019-01/2020 | Phụ trách PX Vận hành 2, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 02/2020-11/2022 | Quản đốc PX Vận hành 2, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |
| | - Từ 12/2022 đến nay | Phó Tổng giám đốc Công ty |
| ❖ | Số cổ phần nắm giữ | 1.500 cổ phần |
| ❖ | Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ | Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |
| 5 | Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh | |
| ❖ | Chức vụ hiện tại | Quyền Kế toán trưởng từ ngày 1/9/2022 |
| ❖ | Giới tính | Nữ |
| ❖ | Ngày tháng năm sinh | 04-01-1981 |
| ❖ | Nơi sinh | Hải Dương |
| ❖ | Quốc tịch | Việt Nam |

| | | |
|---|---------------------------------|--|
| ❖ | Dân tộc | Kinh |
| ❖ | Địa chỉ thường trú | Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương |
| ❖ | Trình độ văn hoá | 12/12 |
| ❖ | Trình độ đào tạo | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; cử nhân kinh tế; cử nhân kế toán |
| ❖ | Quá trình công tác: | |
| | Từ 01/2003 - 05/2006 | Phòng KHVT nhà máy điện Phả Lại |
| | Từ 05/2006 - 08/2016 | Kế toán tổng hợp, phòng TCKT, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại |
| | Từ 09/2016 đến 08/2022 | Phó Trưởng phòng (cấp1),P.Tài chính kế toán, Công ty CP Nhiệt điện Phả lại |
| | Từ 01/9/2022 đến nay | Quyền Kế toán trưởng,phụ trách phòng Tài chính Kế toán |
| ❖ | Số cổ phần nắm giữ | 3000 cổ phần |
| ❖ | Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| ❖ | Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không |

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2023:

Ông Nguyễn Xuân Diện thôi là Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 24/5/2023.

Ông Mai Quốc Long được bổ nhiệm là Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 24/5/2023.

Ông Nguyễn Hoàng Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kể từ ngày 21/4/2023.

Ông Vũ Xuân Dũng thôi là TV HĐQT Công ty kể từ ngày 24/5/2023; thôi là Phó Tổng Giám đốc Công ty và chuyển công tác từ ngày 15/6/2023.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

- Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại hiện có 10 đơn vị, được chia làm 02 khối gồm khối các phòng kỹ thuật nghiệp vụ và khối vận hành sản xuất.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 732 người, trong đó:

- + Người quản lý: 05 người;
- + Lao động chuyên môn nghiệp vụ: 79 người;
- + Lao động trực tiếp SXKD: 596 người;
- + Lao động thừa hành phục vụ: 52 người;
- Chế độ chính sách đối với người lao động:
 - a) Chính sách tiền lương:

Công ty đã xây dựng và ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng đối với CBCNV Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo

đúng hướng dẫn của các văn bản pháp luật hiện hành và Quyết định Quyết định số 105/QĐ-HĐTV ngày 18/09/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc điều chỉnh Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty có Quy chế trả lương cho người lao động, đảm bảo việc trả lương cho NLD công bằng theo mức độ đóng góp của cá nhân, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

Căn cứ tình hình SXKD thực tế, Công ty đã thực hiện việc phân phối tiền lương và thu nhập cho NLD phù hợp và có sự điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo ổn định tiền lương cho NLD trong điều kiện SXKD năm 2023 còn gặp nhiều khó khăn.

Công tác giải quyết chế độ chính sách cho NLD (bảo hiểm, trợ cấp thôi việc, hưu trí, ốm đau, thai sản...) tiếp tục được thực hiện đúng các quy định theo pháp luật lao động và thỏa ước LĐTT của Công ty. Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành thủ tục giải quyết cho 44 LD nghỉ chế độ hưu trí, 03 LD nữ nghỉ chế độ thai sản và hàng chục lượt NLD nghỉ chế độ ốm đau, dưỡng sức phục hồi sức khỏe.

b) Quản trị nguồn nhân lực :

Công ty luôn trú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyển và bổ nhiệm một số cán bộ quản lý; Thay thế thiết bị và công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây chuyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi NLD về hưu hoặc chuyển công tác; Luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; đào tạo đại học và sau đại học, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia.

c) Chính sách khác: Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao...

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi NLD được hưởng cao hơn so với luật như:

- + Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;
- + Con của NLD đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn mà NLD đó có 10 năm làm việc liên tục tại công ty hoặc con của NLD đã nghỉ hưu mà NLD đó có trên 20 năm làm việc liên tục tại Công ty sẽ được cộng điểm ưu tiên khi Công ty có kế hoạch tuyển dụng và một số trường hợp đặc biệt khác tùy theo từng điều kiện cụ thể của Quy chế tuyển dụng của Công ty;
- + Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất. Thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch trong và ngoài nước;

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. NLD được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ tết; được nghỉ không phải làm việc hưởng nguyên các chế độ 03 tháng trước khi về hưu.

+ Người lao động được Công ty mua bảo hiểm tai nạn con người, được trợ cấp thêm tối thiểu 40 triệu đồng nếu không may bị chết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Doanh thu hoạt động tài chính: Năm 2023 đạt 464,41 tỷ đồng tăng 169,15 tỷ đồng bằng 157,29% so với cùng kỳ năm 2022 (295,25 tỷ đồng), bằng 186,89% so với kế hoạch năm.

i) Đầu tư ngắn hạn (Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn).

+ Đến 31/12/2023, tổng giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: 100 tỷ đồng của 01 HĐ tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng. Và lãi từ các hợp đồng tiền gửi trong năm là: 11,02 tỷ đồng.

+ Số tiền Công ty cho EVNGENCO 2 huy động vốn để thực hiện đầu tư dự án điện là 188,16 tỷ đồng. Trong năm 2023, đã tất toán toàn bộ hợp đồng này vào tháng 9/2023 và PPC nhận được số tiền lãi từ khoản cho vay này: 8,71 tỷ đồng.

ii) Đầu tư dài hạn: (đầu tư các dự án điện)

Đến 31/12/2023 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện đầu tư các dự án điện là 2.535,9 tỷ đồng. Trong đó:

- Góp vốn vào công ty liên kết:

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) với tổng số tiền là: 1.451,05 tỷ đồng, tương đương với 129.850.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 25,97% vốn điều lệ. Năm 2023, PPC đã nhận tiền cổ tức năm 2022 với tỷ lệ là 9,85% tương đương 127,9 tỷ đồng; tạm ứng cổ tức năm 2023 tỷ lệ 4% tương đương 51,94 tỷ đồng. Dự kiến trong năm 2024, HND trả cổ tức bằng tiền còn lại năm 2023 với tỷ lệ 3% và cổ tức từ hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển là: 5,52%.

- Đầu tư các dự án điện khác:

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) với tổng số tiền là: 817,29 tỷ đồng tương đương với 73.587.291 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 16,35% vốn điều lệ. Năm 2023, QTP trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 22,5% tương đương số tiền: 165,57 tỷ đồng và tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2023 với tỷ lệ 7,5% tương đương 55,19 tỷ đồng. Dự kiến trong năm 2024, QTP sẽ trả cổ tức còn lại năm 2023 với tỷ lệ 2,5% và cổ tức từ hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển là: 2,86%

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (EIC) với tổng số tiền là: 70,8 tỷ đồng tương đương với 7.080.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 19,3%. Năm 2023, CT CP EVN Quốc Tế trả cổ tức bằng tiền năm 2023 với tỷ lệ là 26% tương đương với số tiền 18,4 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức bằng tiền của năm 2023 với tỷ lệ 10%.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (BSA) với tổng số tiền góp vốn là: 50,25 tỷ đồng, số lượng cổ phần hiện tại là: 10.027.830 cổ phần chiếm tỷ

lệ nắm giữ là 15% vốn điều lệ. Năm 2023, PPC nhận cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 9,803% tương đương số tiền là: 9,83 tỷ đồng. Dự kiến BSA trả cổ tức bằng tiền năm 2023 với tỷ lệ 10%.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (VPD) với tổng giá trị góp vốn là 100 tỷ đồng, số lượng cổ phần hiện tại là: 11.311.657 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 10,61% vốn điều lệ. Năm 2023, VPD trả cổ tức bằng tiền của năm 2022 với tỷ lệ 13% tương đương 14,7 tỷ đồng. Dự kiến VPD trả cổ tức bằng tiền năm 2023 với tỷ lệ 10%.

+ Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) với tổng số cổ phiếu là 670.000 cổ phiếu tương đương 46,498 tỷ đồng. Năm 2023, PPC đã nhận cổ tức bằng tiền năm 2022 với tỷ lệ là 12% tương đương 0,804 tỷ đồng và tạm ứng cổ tức năm 2023 tỷ lệ 4,8% tương đương 0,32 tỷ đồng Dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2023, BTP sẽ trả cổ tức còn lại với tỷ lệ là: 1,45% và cổ tức từ hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận còn lại các năm trước là 26,47%.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Như đã nêu trên, PPC Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) với tổng số tiền là: 1.451,05 tỷ đồng. Trong năm 2023, Công ty nhận được Cổ tức của phần vốn góp tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là 179,84 tỷ đồng.

4. Tình hình Tài chính

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng giảm |
|--------------------------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 5.625,53 | 5.777,92 | 2,71% |
| Doanh thu thuần | 5.265,60 | 5.813,76 | 10,41% |
| Lợi nhuận từ hoạt động KD | 545,83 | 384,84 | -29,49% |
| Lợi nhuận khác | 0,61 | (2,46) | -501,96% |
| Lợi nhuận trước thuế | 546,44 | 382,39 | -30,02% |
| Lợi nhuận sau thuế | 487,45 | 380,10 | -22,02% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến) | 8% | 9% | 12,50% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 |
|----------|--|----------|----------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| a | Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | 4,49 | 3,82 |
| b | Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) | 3,67 | 2,89 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 |
|----------|---|----------|----------|
| a | Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0,11 | 0,13 |
| b | Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | 0,12 | 0,15 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| a | Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | 9,86 | 8,15 |
| b | Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) | 0,94 | 1,01 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| a | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,093 | 0,065 |
| b | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,097 | 0,076 |
| c | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,087 | 0,066 |
| d | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần | 0,104 | 0,066 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 326.235.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn cổ phần), trong đó: 5.621.946 CP quỹ.

b) Cơ cấu cổ đông: Tỷ lệ góp vốn của các cổ đông tính đến ngày 27/12/2023 (ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2023 bằng tiền)

| TT | Nội dung | Số nhà đầu tư | Số CP | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-------------|---|---------------|--------------------|------------|---|
| | | | năm giữ | | |
| I | Tổng số cổ phần | | 326.235.000 | 100 | |
| 1 | Cổ phiếu quỹ | 1 | 5.621.946 | 1,72 | |
| 2 | Cổ đông lớn ($\geq 5\%$) | 3 | 269.833.686 | 82,71 | Genco2; năng lượng REE; SAMARANG UCITS. |
| 3 | Cổ đông nhỏ ($< 5\%$) | 8.277 | 50.779.368 | 15,57 | |
| II.2 | Phân loại CP đang lưu hành theo chủ thể sở hữu | | | | |
| II.2.1 | Cá nhân | 8.199 | 282.516.867 | 86,60 | |
| II.2.2 | Tổ chức | 82 | 43.718.133 | 13,40 | |
| II.2.3 | Trong nước | 7.638 | 282.516.867 | 86,60 | |
| II.2.4 | Nước ngoài | 643 | 43.718.133 | 13,40 | |
| II.2.5 | Cổ đông nhà nước | 1 | 166.391.896 | 51,00 | |
| II.2.6 | Cổ đông khác | 8.280 | 159.843.104 | 49,00 | |

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty chưa thực hiện đo tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên liệu sử dụng trong năm

Tổng lượng than sử dụng để sản xuất điện là: 1,83 triệu tấn.

Tổng lượng dầu sử dụng để sản xuất điện là: 4,59 nghìn tấn.

- b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng nhiệt tỏa ra thông qua quá trình đốt than, dầu trong lò hơi.

- Năm 2023, Sản lượng điện tự dùng cho sản xuất là: 361,13 triệu kWh-

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty luôn chú trọng đến công tác nâng cao hiệu suất tổ máy, giảm suất tiêu hao nhiệt, bên cạnh đó yêu cầu người lao động trong công ty thực hiện đúng theo các chương trình tiết kiệm điện tại nơi làm việc.

- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Thực hành chương trình tiết kiệm điện theo chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Thực hiện Đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành các nhà máy điện giai đoạn 2021 –2025 công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

- Công ty thường xuyên phát động tới người lao động nghiên cứu, áp dụng các cải tiến, sáng kiến, ứng dụng chuyển đổi số nhằm giảm suất tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và điện tự dùng.

6.4. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Nước Sông Lục đầu Giang.

- Lượng nước sử dụng: 1.396.823 m³/ngày là nước mặt sông Thái Bình (nước làm mát); Nước sinh hoạt (cho CN trong Công ty): 12,8m³/ngày là nước máy.

- b) Tỷ lệ lượng nước tái chế và tái sử dụng: 99,87%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 1 lần.

- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 3,925 tỷ đồng.

Ngay sau khi nhận được Quyết định xử phạt về môi trường của Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường - Bộ Công an, Công ty đã thực hiện nộp khoản tiền phạt trên vào kho bạc nhà nước, khẩn trương tổ chức khắc phục các vi phạm về môi trường đồng thời triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp và kịp thời báo cáo, giải trình với các cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo các tổ máy của NMNĐ Phả Lại vận hành, góp phần đảm bảo cung ứng điện cho miền Bắc và đảm bảo việc làm, thu nhập cho cán bộ công nhân viên của Đơn vị.

c) Các hoạt động liên quan tới công tác môi trường tại PPC:

Nhằm nâng cao nhận thức trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong Công ty, ngăn ngừa các tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất, đảm bảo tuân thủ đúng theo pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công ty. PPC tổ chức tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường đến toàn thể người lao động trong Công ty dựa trên “Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường” trong Công ty ban hành năm 2021.

Kiểm soát các thông số khí thải, bụi, nước thải, nước mặt theo tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 22:2009/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT, QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

Các đơn vị trong Công ty thực hiện đúng việc phân loại rác thải, thu gom và tập kết vào bãi chứa rác thải theo đúng quy định. Các đơn vị trong Công ty duy trì hệ thống quản lý môi trường. Nhà kho chứa chất thải nguy hại tạm thời đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và phân loại từng ngăn để chứa chất thải trước khi chuyển đi xử lý. Ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp đều được xử lý theo đúng quy trình, đúng thiết kế, đảm bảo các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định theo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Công ty quản lý hóa chất theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và theo quy trình của Công ty về an toàn hóa chất. Xây dựng, ban hành tài liệu về Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất.

Công ty luôn quan tâm cải tạo, nâng cấp điều kiện và môi trường làm việc cho người lao động, trồng thêm được nhiều cây xanh trên các khu đất trống, giữ gìn môi trường Xanh - Sạch - Đẹp;

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động tính đến hết 31/12/2023 tại PPC là 732 lao động.
- Tiền lương bình quân năm 2023 của NLD đạt 21,78 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đảm bảo thực hiện tốt công tác an toàn, tuân thủ nghiêm, đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác ATVSLĐ; chú trọng nâng cao chất lượng trang thiết bị phục vụ công tác đảm bảo ATVSLĐ, PCCN, PCTT&TKCN, không

ngừng cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Công ty thực hiện việc khám xét, kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Thiết bị được kiểm định khi đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật an toàn mới đưa vào làm việc.

Công ty thực hiện việc đo kiểm môi trường lao động đúng theo quy định, thông báo kết quả đến người lao động tại các vị trí sản xuất, các đơn vị quản lý để có biện pháp phòng ngừa, có kế hoạch đề xuất cải tạo, khắc phục nhằm cải thiện môi trường lao động.

Việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLD được Công ty thực hiện theo định mức đã được phê duyệt. 100% người lao động được trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân, chất lượng các loại phương tiện bảo vệ cá nhân không ngừng được nâng cao.

Công ty thực hiện việc bồi dưỡng chống độc hại cho người lao động bằng hiện vật theo quy định của pháp luật. Công ty đã phối hợp với Viện Quân y 7 tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động với nhiều nội dung.

Công ty chăm lo đời sống người lao động, thường xuyên tuyên truyền, vận động người lao động thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thăm hỏi, động viên kịp thời NLD khi ốm đau, hiếu hỉ, sinh con, tặng quà kết hôn, trợ cấp cho NLD mắc bệnh hiểm nghèo... Tặng quà cho con NLD nhân dịp Tết thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, khen thưởng con NLD đạt thành tích cao trong năm học 2022-2023. Kịp thời biểu dương, khen thưởng NLD ngành Điện tiêu biểu, An toàn vệ sinh viên (ATVSV) giỏi, gia đình CBCNV tiêu biểu cấp Công ty. Phối hợp tổ chức kiện toàn mạng lưới ATVSV nhiệm kỳ 2023-2025, tổ chức tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho các ATVSV. Phối hợp với Công đoàn Công ty tổ chức thành công Hội thi ATVSV giỏi lần thứ IX năm 2023 cấp đơn vị và cấp Công ty với tổng số 54 ATVSV tham gia.

Tổ chức hoạt động văn hóa thể thao nhân dịp Tết nguyên đán Quý Mão cho NLD để nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho NLD, tăng cường sự giao lưu, đoàn kết giữa các đơn vị, ca vận hành. Đã tổ chức tuyên truyền, vận động NLD tích cực tham gia hoạt động hưởng ứng Tuần lễ hồng EVN lần thứ IX.

Tổ chức thành công Hội nghị NLD, hội nghị đối thoại thiết thực, không hình thức. Công đoàn Công ty được Công đoàn Điện lực Việt Nam tặng Cờ thi đua về có nhiều đóng góp xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh nhân dịp kỷ niệm 40 năm Ngày phát điện.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty luôn coi trọng chất lượng đầu vào và luôn coi trọng chất lượng đào tạo, đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay và các năm tiếp theo của công ty. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng; kế hoạch, chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện hiệu quả, chất lượng. Có giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo chức danh theo chương trình đã đề ra, hoàn

thiện phần lý thuyết chung cho các đơn vị để thống nhất nội dung đào tạo. Tiếp tục triển khai, áp dụng công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên dụng trong việc quản lý và đánh giá lao động.

Nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp, Công ty Cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo do EVN; EVNGENCO2 và các đơn vị có thẩm quyền tổ chức. Mời cán bộ của EVN về tổ chức khóa đào tạo “Công tác hiệu chỉnh lò hơi trong nhà máy nhiệt điện than” và “Đào tạo an toàn điện, rà soát, kiểm tra và đánh giá về lĩnh vực hệ thống, thiết bị phân phối trong nhà máy nhiệt điện”.

Triển khai nhiều khóa đào tạo E- Learning cho CBCNV trong toàn Công ty. Thực hiện Biên soạn 02 Bài giảng E-Learning và 01 Bài Microlearning do EVNGENCO2 giao. Công ty tự xây dựng 08 bài E-Learning và triển khai biên soạn bộ 64 bộ câu hỏi trắc nghiệm phục vụ công tác đào tạo, sát hạch trên phần mềm E-Learning. Ngoài ra Công ty còn tiếp tục thực hiện rà soát, hiệu chỉnh các quy trình và tài liệu khác theo yêu cầu.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Song song với mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh Công ty luôn quan tâm và thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động từ thiện. Hưởng ứng các đợt phát động của Tổng công ty Phát điện 2, Công đoàn Tổng công ty Phát điện 2 và địa phương.

Trong năm 2023, tổng số tiền chi cho hoạt động an sinh xã hội khoảng: 1,5 đồng.

Một số hoạt động tiêu biểu như sau:

Công tác thăm hỏi, phụng dưỡng, lo tang lễ cho Mẹ Việt Nam Anh hùng Trong năm 2023 đã chi 21.600.000 đồng. Hiện nay Công ty còn phụng dưỡng 01 Mẹ Việt Nam Anh hùng. Đóng góp xây dựng quỹ Đền ơn đáp nghĩa thành phố Chí Linh 30.000.000 đồng.

Hỗ trợ kinh phí xây nhà 07 căn nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, mái ấm tình thương, nhà chữ thập đỏ cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn tổng số tiền đã ủng hộ: 480.000.000 đồng.

Hỗ trợ xây dựng trường học, trường Tiểu học Phả Lại (TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương) sửa chữa, mua sắm, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học: 20.000.000 đồng. Hỗ trợ kinh phí xây dựng trường Mầm non xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình: 200.000.000 đồng.

Duy trì trợ cấp thường xuyên cho 15 đối tượng nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tặng quà cho các đối tượng nghèo trong dịp Tết Nguyên Đán, tặng quà trẻ em nghèo Tết Trung thu, Tết thiếu nhi, tổng chi: 254.000.000 đồng.

Hoạt động hỗ trợ các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn thành phố Chí Linh và các tỉnh lân cận và an sinh xã hội khác gần 400.000.000 đồng.

Hưởng ứng Ngày hội văn hoá EVN lần thứ IX, Công ty đã có kế hoạch liên tịch số 200/KHLT-PPC-CĐĐPL ngày 22/11/2023 triển khai thực hiện Tuần lễ hồng EVN

lần thứ IX vào ngày 09/12/2022, tuyên truyền vận động CBCNV trong Công ty và thân nhân, người dân khu vực phường Phả Lại tham gia hiến máu nhân đạo.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tình hình sản xuất

Ngay từ đầu năm, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng phương án vận hành sản xuất trên cơ sở củng cố tốt các tổ máy để đảm bảo hệ số khả dụng cao nhất và đảm bảo công suất phát tối đa khi hệ thống yêu cầu.

Năm 2023, với tình trạng xuống cấp đồng loạt của các lọc bụi lò hơi làm ảnh hưởng xấu đến tính ổn định liên tục của các tổ máy DC1. Chính vì vậy Công ty luôn định hướng thực hiện phương án phát dưới sản lượng Qc, duy trì tối đa khả dụng các tổ máy dự phòng để đem lại doanh thu CfD đồng thời tận dụng khoảng thời gian dự phòng để củng cố thiết bị. Ngoài ra, việc vận hành ở phương thức không kinh tế (1 lò/1 máy) đã làm tăng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổ máy như tỷ lệ điện tự dùng, suất hao nhiệt.

Tổ máy S5 liên tục được duy trì bám lưới phát theo phương thức đáp ứng yêu cầu huy động từ cấp Điều độ, số giờ vận hành S5 đạt mức hơn 8000 giờ.

Sản lượng điện sản xuất năm 2023: 3.525,40 trkWh, bằng 90,53% KH năm, Sản lượng điện bán năm 2023: 3.188,32 trkWh, bằng 90,26% KH năm. Một số nguyên nhân ảnh hưởng tới việc sản lượng điện phát thấp hơn so với kế hoạch:

Thiết bị Dây chuyền 1: Các tổ máy đã đưa vào vận hành khai thác hơn 40 năm đã rất cũ và rất lạc hậu. Nhiều hệ thống thiết bị suy giảm hiệu suất, độ tin cậy như Các bộ quá nhiệt ống bị hay bị xì, bục; Các bộ hâm nước hay bị xì bục; Các máy nghiền than thân, cổ thùng nghiền bị nứt do quá tuổi thọ thiết kế, kim loại bị mòn mỏi; Một số bơm cấp, bơm ngưng đã xuống cấp, thường xuyên hư hỏng, độ rung cao; Đặc biệt, hệ thống lọc bụi tĩnh điện do quá cũ, các cực phóng thường xuyên bị đứt, các cực lắng bị mọt gãy hư hỏng gây chập trường gây ngắn mạch không thể vận hành nhiều ngày. Thiết bị Dây chuyền 1 luôn tiềm ẩn nguy cơ cao sự cố, mất phương thức.

Thiết bị Dây chuyền 2: Trải qua hơn 20 năm vận hành, các thiết bị đã xuống cấp, đã thay đổi công nghệ, phần mềm điều khiển..nhiều thiết bị chưa được đầu tư sửa chữa, nâng cấp kịp thời, một số chỉ tiêu chính đã vượt so với thiết kế dẫn đến vận hành, khai thác không đạt hiệu quả như kỳ vọng. Tổ máy S5 vận hành 8082 giờ trong năm 2023, đáp ứng được yêu cầu huy động của ĐĐQG. Tổ máy S6 bị sự cố kéo dài cũng làm ảnh hưởng đến lượng điện sản xuất của Công ty.

Trong năm 2023 với sự quyết liệt chỉ đạo, hỗ trợ giúp đỡ của Tổng Công ty Phát điện 2, của Hội đồng Quản trị, sự phối hợp của Ban Điều hành, sự chung tay của các đơn vị trong Công ty, các Nhà thầu và các cấp có thẩm quyền Tổ máy S6 sau thời gian dài khắc phục sự cố, ngày 05/09/2023 đã hòa đồng bộ vào lưới điện Quốc gia, sau quá

trình vận hành thương mại đã đạt công suất khả dụng 300MW, tổ máy S6 Vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả.

Việc đưa tổ máy S6 trở lại vận hành sau sự cố và đáp ứng khả dụng 300MW là sự nỗ lực lớn, thể hiện sự cố gắng khắc phục khó khăn trong năm 2023.

Một số chỉ tiêu chính đã thực hiện trong năm 2023 như sau:

- Tổng doanh thu năm 2023 đạt 6.280,28 tỷ đồng bằng 102,79 % so với kế hoạch năm 2023, bằng 112,91% so với cùng kỳ năm 2022;

- Tổng chi phí năm 2023 là 5.897,90 tỷ đồng bằng 103,79% so với kế hoạch năm 2023, bằng 117,56% so với cùng kỳ năm 2022;

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 382,39 tỷ đồng, bằng 89,42% so với kế hoạch năm 2023 (427,61 tỷ đồng), bằng 70,13% so với cùng kỳ năm 2022.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | Tỷ trọng trong tổng TS năm 2022 | 31/12/2023 | Tỷ trọng trong tổng TS năm 2023 | % tăng giảm 2023/2022 |
|------------------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Tài sản ngắn hạn | 2.733.701,58 | 48,59% | 2.929.235,43 | 50,70% | 7,15% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 60.340,86 | 1,07% | 23.485,93 | 0,41% | -61,08% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 90.000,00 | 1,60% | 100.000,00 | 1,73% | 11,11% |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 2.027.343,59 | 36,04% | 1.978.018,47 | 34,23% | -2,43% |
| Hàng tồn kho | 496.386,07 | 8,82% | 709.143,60 | 12,27% | 42,86% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 59.631,05 | 1,06% | 118.587,43 | 2,05% | 98,87% |
| Tài sản dài hạn | 2.891.831,28 | 51,41% | 2.848.682,50 | 49,30% | -1,49% |
| Tài sản cố định | 322.964,39 | 5,74% | 273.075,92 | 4,73% | -15,45% |
| Tài sản dở dang dài hạn | 27.464,93 | 0,49% | 25.579,84 | 0,44% | -6,86% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 2.498.780,89 | 44,42% | 2.500.053,89 | 43,27% | 0,05% |
| Tài sản dài hạn khác | 42.621,07 | 0,76% | 49.972,84 | 0,86% | 17,25% |
| Tổng tài sản | 5.625.532,85 | 100,00% | 5.777.917,93 | 100% | 2,71% |

Tại ngày 31/12/2023, tổng tài sản của Công ty là 5.777,92 tỷ đồng, tăng 152,38 tỷ đồng, tương đương tăng 2,71% so với thời điểm 31/12/2022.

Trong đó, cơ cấu tài sản cụ thể:

(i) Tài sản ngắn hạn: 2.929,235 tỷ đồng chiếm 50,70% tổng tài sản, tăng 7,15% so với thời điểm 31/12/2022, chủ yếu là do các khoản tài sản ngắn hạn khác, hàng tồn kho và đầu tư tài chính ngắn hạn lần lượt tăng 98,87%, 42,86% và 11,11%.

(ii) Tài sản dài hạn: 2.848,68 tỷ đồng chiếm 49,30% tổng tài sản, trong kỳ giảm 1,49% so với đầu năm chủ yếu do điều ghi nhận biến động giảm ở các khoản mục tài sản cố định, tài sản dài hạn dở dang lần lượt giảm 15,45% và 6,86%.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | Tỷ trọng trong tổng Nợ phải trả năm 2022 | 31/12/2023 | Tỷ trọng trong tổng Nợ phải trả năm 2023 | % tăng giảm 2023/2022 |
|--|-------------------|--|-------------------|--|-----------------------|
| Nợ ngắn hạn | 609.077,90 | 100,00% | 767.100,35 | 100,00% | 25,94% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 478.187,28 | 78,51% | 555.443,43 | 72,41% | 16,16% |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 255,61 | 0,04% | 350,50 | 0,05% | 37,13% |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 5.972,68 | 0,98% | 9.631,74 | 1,26% | 61,26% |
| Phải trả người lao động | 93.259,42 | 15,31% | 81.006,75 | 10,56% | -13,14% |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 5.088,86 | 0,84% | 4.115,16 | 0,54% | -19,13% |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 6.148,44 | 1,01% | 94.575,13 | 12,33% | 1438,20% |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 20.165,63 | 3,31% | 21.977,64 | 2,87% | 8,99% |
| Nợ dài hạn | - | | - | | |
| Tổng nợ phải trả | 609.077,90 | 100,00% | 767.100,35 | 100% | 25,94% |

Tại ngày 31/12/2023, nợ phải trả ngắn hạn tăng 25,94% so với thời điểm 31/12/2022, chủ yếu do các nguyên nhân:

- Các khoản phải nộp, phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2023 là 94,57 tỷ đồng tăng 1.438,2% so với đầu năm là do khoản cổ tức phải trả cơ các cổ đông từ nguồn lợi nhuận năm 2023 chưa đến hạn thanh toán.

- Các khoản thuế các khoản phải nộp nhà nước, người mua trả tiền trước ngắn hạn, phải trả người bán ngắn hạn, quỹ khen thưởng, phúc lợi lần lượt tăng 61,26%, 37,13%, 16,16% và 8,99% so với thời điểm 31/12/2022.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Về kiện toàn mô hình tổ chức, trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc sáp nhập 03 đơn vị: Văn phòng, phòng Bảo vệ - Cứu hỏa và phòng Tổ chức - Lao động thành phòng Hành chính - Lao động.

Công ty đã tiến hành thủ tục bầu thay thế 1 thành viên HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách; bổ nhiệm mới 4 cán bộ; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho 5 cán bộ, giao nhiệm vụ phụ trách cho 2 cán bộ. Đồng thời, tổ chức các hội nghị lấy ý kiến bố trí Người đại diện theo yêu cầu của EVNGENCO2. Đã thực hiện việc điều động, bổ nhiệm 02 cán bộ từ phòng Kỹ thuật và phòng TCLĐ đến phân xưởng Vận hành 1. Bổ nhiệm mới 04 cán bộ lãnh đạo đối với phòng Hành chính – Lao động.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên. Tiếp tục thực hiện đề án “Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động”.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện; Góp vốn xây dựng các nhà máy điện, đầu tư tài chính,... mang lại hiệu quả cao.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại, theo đó tại thư kiểm toán có 2 ý kiến nhấn mạnh:

“Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã nhận quyết định đình chỉ hoạt động trong vòng 12 tháng để sửa chữa nhà máy và khắc phục các hoạt động gây ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thực hiện các biện pháp khắc phục và tiếp tục hoạt động sản xuất theo kế hoạch huy động nguồn điện cho năm 2024. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khắc phục vi phạm môi trường. Những điều kiện này cùng với các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố khoản doanh thu thoái hoàn chưa ghi nhận trong năm 2022. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố được trình bày tại Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. ”

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại xin giải trình, báo cáo cụ thể như sau :

i. Về nội dung khả năng hoạt động liên tục của Công ty:

Ngay sau khi có quyết định xử phạt về môi trường của C05, Công ty đã tạm dừng các lò hơi có hệ thống lọc bụi vận hành kém tin cậy của NMD Phả Lại 1, cụ thể là ngừng vận hành 06 lò hơi là 1A, lò 2A, lò 2B, lò 3B, lò 4A, lò 4B. Bên cạnh đó, PPC

triển khai ngay việc khắc phục các vi phạm về nồng độ bụi, thực hiện đại tu sửa chữa các hệ thống lọc bụi của 07 lò hơi của Dây chuyền 1.

Đối với NMD Phả Lại 2, PPC đã đẩy nhanh công tác sửa chữa lớn hệ thống FGD các tổ máy S5&S6 thông qua việc phê duyệt bổ sung danh mục trung/đại tu hệ thống khử lưu huỳnh lò 5&6 và phần chung vào Danh mục SCL năm 2023 để triển khai thực hiện Sửa chữa lớn năm 2024.

Về huy động điện năm 2024: Ngày 30/11/2023 Bộ Công thương có quyết định số 3110/QĐ-BCT về việc phê duyệt kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024, theo đó, các tổ máy của Nhà máy của Công ty năm 2024 đều được huy động là: Dây chuyền 1 là 717 triệu Kwh; dây chuyền 2 là 3.775 triệu Kwh (theo phương án Phương án 1: Tải tăng trưởng 6,18%, Tần suất thủy điện 65%, các NMD không cam kết sản lượng theo thị trường điện, không bao tiêu khí).

Về hợp đồng mua bán điện: Đối với nhà máy Phả Lại 1 (dây chuyền 1) hợp đồng mua bán điện giai đoạn 2024-2027 đã được Công ty ký với Công ty mua bán điện. Đối với nhà máy Phả Lại 2 (dây chuyền 2) hợp đồng mua bán điện đã được Công ty ký với Công ty mua bán điện đến hết năm 2031.

Do vậy, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại đã khắc phục các nội dung có liên quan tới môi trường cũng như đảm bảo cung ứng điện theo yêu cầu. Do đó, ở nội dung này, tại thư kiểm toán của BCTC năm 2023 được kiểm toán của PPC, Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte đã chuyển từ Ý kiến ngoại trừ (Tại kỳ báo cáo tài chính soát xét năm 2023) sang Ý kiến nhấn mạnh (tại kỳ báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023).

ii. Về nội dung thực hiện điều chỉnh hồi tố khoản doanh thu thoái hoàn chưa ghi nhận trong năm 2022

Sau một thời gian nỗ lực trong việc đàm phán với các bên liên quan, Công ty đã tính toán và hoàn thiện hồ sơ, thống nhất với các bên số liệu về sản lượng, giá trị truy thu thoái hoàn, cụ thể:

Doanh thu thoái hoàn: 185.831.260.451 đồng.

Công ty đã ghi nhận hồi tố khoản doanh thu thoái hoàn này vào số dư đầu kỳ tại BCTC kiểm toán năm 2023.

Do đó, ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC kiểm toán năm 2022 đã chuyển thành vấn đề nhấn mạnh tại BCTC kiểm toán năm 2023

6. Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

a. Thực hiện giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải, quản lý nước mặt

Công ty đã thực hiện tốt việc giám sát môi trường định kỳ hằng tháng và hàng quý. Công ty ký hợp đồng thuê đơn vị có đủ năng lực thực hiện, dưới sự giám sát toàn diện của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương.

Các đơn vị đã thực hiện vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu, theo đúng quy trình, thiết kế. Qua các đợt quan trắc hằng tháng và quý, các chỉ tiêu nước thải: nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu, các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN40:2011/BTNMT, QCVN14:2008/BTNMT.

Môi trường nước mặt qua các đợt quan trắc các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08- MT:2015/BTNMT.

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về nộp thuế tài nguyên nước và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

b. Về quản lý chất thải rắn:

Chất thải rắn thông thường: Các loại chất thải rắn thông thường: gồm gạch, đá, đất... được công ty thu gom và tập kết vào bãi rác theo quy định. Công ty đã ký Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu dọn vận chuyển rác, tạp vật chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt để xử lý theo đúng quy định.

Tro xỉ: Tình hình tiêu thụ tro xỉ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đang thực hiện tốt. Các đơn vị thu gom đều có chức năng vận chuyển, xử lý tro xỉ làm vật liệu xây dựng theo đúng quy định hiện hành và đang tiếp tục thu gom tro xỉ theo hợp đồng đã ký kết, hạn chế việc lưu trữ tro xỉ tại bãi xỉ, đảm bảo không để gây phát tán, ảnh hưởng đến môi trường.

c. Về quản lý chất thải nguy hại.

Công ty thu gom, lưu giữ, bảo quản và tập kết vào bãi chứa rác theo đúng quy định. Công ty đã có kho và phân loại từng ngăn để chứa CTNH. Nhà kho chứa CTNH tạm thời đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và phân loại từng ngăn để chứa CTNH trước khi chuyển đi xử lý.

Để xử lý chất thải nguy hại Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng về thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Công ty đã đăng ký và đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (Mã số QLCTNH: 30.000022.T) ngày 25/01/2013 cấp lại lần 02.

d. Về xử lý khí thải.

Công ty đang nỗ lực triển khai các giải pháp để đảm bảo môi trường theo quy định như:

Triển khai thực hiện hợp đồng sửa chữa hệ thống lọc bụi lò hơi 4AB; 2AB. Tiếp tục hoàn thiện các bước trong công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu sửa chữa hệ thống lọc bụi lò 3B, 1AB.

Rà soát các hạng mục sửa chữa lớn năm 2024, tập trung ưu tiên cho các hạng mục thiết bị lọc bụi, FGD, các hệ thống thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất, các thiết bị trao đổi nhiệt lò hơi.

6.2. Đánh giá liên quan đến người lao động

Trong năm Công ty thực hiện tăng cường việc chấp hành kỷ luật, tăng năng suất lao động. Bảo đảm thu nhập bình quân của người lao động cao hơn năm trước. Kết hợp với Công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của NLD, giải

quyết những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của NLĐ, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với NLĐ theo quy định, qua đó giúp NLĐ yên tâm công tác

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh các hoạt động chăm lo cho CNVCLĐ, Công đoàn Công ty đã phối hợp với chuyên môn làm tốt các hoạt động an sinh xã hội, tích cực tham gia các cuộc vận động quyên góp, ủng hộ các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo do các tổ chức đoàn thể tổ chức vận động; hỗ trợ kinh phí cho nhiều chương trình, hoạt động xã hội...qua đó góp phần xây dựng, phát triển cộng đồng địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Sản lượng điện sản xuất năm 2023 là 3.525,40 triệu KWh bằng 90,53% so với kế hoạch và bằng 110,3% so với cùng kỳ năm 2022.

- Về Tài chính: Trong năm, Công ty luôn đảm bảo kịp thời nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đúng hạn quy định. Công tác tài chính của Công ty có những khó khăn như: giá trị hàng tồn kho lớn gây ứ đọng vốn; chi phí nhiên liệu, thuế tài nguyên và chi phí dịch vụ mua ngoài đều tăng; nhu cầu về vốn để Công ty thực hiện các Dự án môi trường hai dây chuyển và chi phí khắc phục sự cố S6 là rất lớn.

- Về trách nhiệm môi trường: Công ty đã tích cực trong công tác môi trường, như thực hiện quan trắc, đo đạc môi trường, triển khai các dự án về lọc bụi, khử khí NOx, SOx tuy nhiên các dự án liên quan đến xử lý khí thải đều gặp nhiều vướng mắc phải chờ khung pháp lý và hướng dẫn của cơ quan, cấp có thẩm quyền.

- Về trách nhiệm xã hội: Công ty đã tích cực tham gia có trách nhiệm các hoạt động xã hội với giá trị tương đương 1,5 tỷ đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Mặc dù năm 2023 là năm có nhiều khó khăn do tổ máy S6 đến 04/9/2023 mới đưa vào khai thác, Dây chuyển 1 các thiết bị đã xuống cấp, sự cố lò, máy chủ yếu ngừng dự phòng để khắc khắc phục khiếm khuyết thiết bị và ngừng sửa chữa do sự cố lọc bụi, nhưng với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực trong việc xây dựng phương án vận hành sản xuất trên cơ sở củng cố tốt các tổ máy để đảm bảo hệ số khả dụng cao nhất, đảm bảo công suất phát tối đa khi hệ thống yêu cầu và đảm bảo đời sống người lao động.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị sẽ bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch được giao;

Phấn đấu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện;

Sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.

Chấp hành đúng các quy định về môi trường, chăm lo đời sống người lao động và tích cực và có trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội.

3.1 Một số chỉ tiêu của KH SXKD năm 2024, cụ thể:

| | |
|---|-----------------------|
| - Điện năng sản xuất | : 5.262,00 triệu kWh. |
| Trong đó: + Dây chuyền 1 | : 1.476,00 triệu kWh |
| + Dây chuyền 2 | : 3.786,00 triệu kWh |
| - Điện năng bán cho EVN | : 4.758,90 triệu kWh. |
| Trong đó: + Dây chuyền 1 | : 1.313,64 triệu kWh |
| + Dây chuyền 2 | : 3.445,26 triệu kWh |
| - Suất tiêu hao nhiệt tinh | |
| Trong đó: + Dây chuyền 1 | : 14.649 kJ/kWh |
| + Dây chuyền 2 | : 11.019 kJ/kWh |
| - Tỷ lệ điện tự dùng (bao gồm cả tổn thất): | 9,44 % |
| - Doanh thu | : 8.755,60 tỷ VND |
| - Chi phí | : 8.335,38 tỷ VND |
| - Lợi nhuận trước thuế | : 420,22 tỷ VND |
| - Cổ tức: dự kiến 6% vốn điều lệ. | |

3.2. Xác định công tác bảo trì, bảo dưỡng phòng ngừa sự cố là nhiệm vụ trọng tâm để đảm bảo vận hành khai thác, sản xuất điện an toàn, ổn định các tổ máy của Công ty phải có hệ số khả dụng cao và sẵn sàng khởi động bất cứ khi nào hệ thống huy động.

3.3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho việc phân tích thị trường, tính toán tối ưu và kịp thời cảnh báo sản lượng Q_{du} cho vận hành. Chiến lược chào giá phù hợp, với mục tiêu phấn đấu là giá bán điện bình quân cao hơn giá bán kế hoạch, các chu kỳ phát thấp hơn Q_c nhận về doanh thu CfD dương, các chu kỳ phát cao hơn Q_c có giá cao hơn chi phí biến đổi.

3.4. Xây dựng kế hoạch bổ sung nhân lực mới và tập trung nâng cao chuyên môn kỹ thuật vận hành, kỹ thuật xử lý tình huống thiết bị bất thường, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao ý thức tuân thủ quy trình quy định trong vận hành.

3.5. Thực hiện nghiêm việc bảo vệ môi trường, đặc biệt việc quản lý chất thải nguy hại tuân thủ nghiêm ngặt các quy định ở tất cả các vị trí và các thiết bị có nguy cơ phát sinh chất thải nguy hại, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

3.6. Chuẩn bị tốt dòng tiền để phục vụ kịp thời cho chi phí SXKD với hiệu quả cao nhất. Đề xuất các giải pháp thu hồi nợ có hiệu quả đối với các khoản nợ quá hạn,

tiếp tục quan tâm đến các khoản đầu tư ngắn, trung và dài hạn đảm bảo an toàn và hiệu quả.

3.7. Mục tiêu phát triển bền vững đi kèm an sinh, xã hội, đảm bảo lợi nhuận tối đa cho cổ đông nhưng cũng phải đảm bảo quyền lợi của NLD và sự phát triển chung lâu dài của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Mai Quốc Long | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Thành viên |
| Ông Lê Tuấn Hải | Thành viên |
| Ông Nguyễn Xuân Diện | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hoàng Hải | Thành viên |

- Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

| STT | Danh sách | Cổ phần sở hữu/đại diện | Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác |
|-----------|---|--------------------------------|---|
| I | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành | | |
| 1 | Ông Nguyễn Quang Quyền | | Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE |
| 2 | Ông Lê Tuấn Hải | | Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE |
| II | Thành viên Hội đồng quản trị khác | | |
| 1 | Ông Mai Quốc Long | 49.917.569 | ĐD phần vốn của EVNGENCO2 và chiếm 30% phần vốn góp của EVNGENCO2 tại PPC |
| 2 | Ông Nguyễn Xuân Diện | 66.556.758 | ĐD phần vốn của EVNGENCO2 và chiếm 40% phần vốn góp của EVNGENCO2 tại PPC |
| 3 | Ông Nguyễn Hoàng Hải | 7000 CP cá nhân /49.917.569 | ĐD phần vốn của EVNGENCO2 và chiếm 30% phần vốn góp của EVNGENCO2 tại PPC |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty đã thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại Căn cứ Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/5/2023: Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định.

Từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 05 năm 2023, căn cứ vào kết quả các cuộc họp và văn bản xin ý kiến Hội đồng Quản trị, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 283 Nghị quyết. Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã tổ chức 6 cuộc họp. Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự quy định.

Các phiên họp HĐQT đều mời Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tham gia. Đối với các vấn đề quan trọng, HĐQT mời trưởng các đơn vị, phòng ban có liên quan trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT kịp thời, tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả SXKD cho Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 20223:

| Số TT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-------|--------------------------|------------|--|-----------------|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 05/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDXKT gói thầu “Đại tu tự dùng một chiều khối 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 06/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự toán công trình “Đại tu lò hơi 4B (Thay bộ sấy không khí cấp 2)”; “Đại tu lò hơi 4A (Thay bộ sấy không khí cấp 2)”; “Đại tu lò hơi 4B ”- Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 09/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu điều hòa không khí phòng điều khiển trung tâm - nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 10/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Đại tu Tuabin hơi số 6- Phần Bản thể (Không bao gồm khối lượng sửa chữa khắc phục sự cố S6)- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 10/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Cung cấp, lắp đặt vành chèn vành chắn hơi đầu cánh động phục vụ đại tu tuabin hơi số 2 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 11/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “SCTX-2022 -119 Cung cấp | 100% |

| | | | | |
|----|------------|------------|--|------|
| | | | Máy biến điện áp 110kV(TU),Máy biến điện áp 220kV(TU) - nguồn vốn sửa chữa thường xuyên năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 11/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự toán công trình “Đại tu hệ thống xử lý Clo Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2023” ; “Đại tu lò hơi 4A - Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 17/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt bổ nhiệm Phó Quản đốc phân xưởng Vận hành 2 | 100% |
| 9 | 09/NQ-HĐQT | 17/01/2023 | Về việc thông qua bổ nhiệm lại cán bộ | 100% |
| 10 | 10/NQ-HĐQT | 17/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt hồ sơ quản trị rủi ro cấp quy trình năm 2022 tại PPC | 100% |
| 11 | 11/NQ-HĐQT | 17/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự toán công trình :“Đại tu lò hơi 3B - Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”; “Đại tu lò hơi 3A - Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 12 | 12/NQ-HĐQT | 19/01/2023 | Về việc thông qua phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023 hiệu chỉnh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 13 | 13/NQ-HĐQT | 19/01/2023 | Về việc thành lập Tổ thẩm định đấu thầu, thẩm định các gói thầu có giá gói thầu từ 5 tỷ đồng trở lên và Tổ thẩm tra dự toán | 100% |
| 14 | 14/NQ-HĐQT | 19/01/2023 | Về việc phê duyệt dự thảo phụ lục hợp đồng số 01 hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn công nghiệp than- khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 15 | 15/NQ-HĐQT | 01/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDXKT gói thầu: “Cung cấp thiết bị phục vụ đại tu lò hơi số 6 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 16 | 16/NQ-HĐQT | 02/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: SCTX-2022-101 Cung cấp bi máy nghiền phục vụ cho sản xuất điện nguồn vốn sửa chữa thường xuyên năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 17 | 17/NQ-HĐQT | 02/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Đại tu tuabin hơi số 2 (không bao gồm thiết bị) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 18 | 18/NQ-HĐQT | 02/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 2 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 19 | 19/NQ-HĐQT | 02/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự toán công trình: Thay mới thùng nghiền 1A – nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 20 | 20/NQ-HĐQT | 03/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự án đầu tư “Lắp mới kháng hạn chế dòng điện ngắn mạch sân phân phối 220kV Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 21 | 21/NQ-HĐQT | 03/02/2023 | Về việc thông qua tạm thời áp dụng Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty | 100% |

| | | | | |
|----|------------|------------|--|------|
| | | | cổ phần tại PPC | |
| 22 | 22/NQ-HĐQT | 03/02/2023 | Về việc thông qua tạm thời áp dụng Quy chế công bố thông tin trong Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần tại PPC | 100% |
| 23 | 23/NQ-HĐQT | 06/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu Hệ thống nước làm mát thứ cấp Tuabin 6- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 (chuyên tiếp năm 2023) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 24 | 24/NQ-HĐQT | 07/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu: “Đại tu thiết bị điện sau máy phát số 6 và tự dùng trung thế khối 6 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 (chuyên tiếp năm 2023) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 25 | 25/NQ-HĐQT | 07/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Đại tu Tuabin hơi số 6- Phần thiết bị phụ (Không bao gồm khối lượng sửa chữa khắc phục sự cố S6)- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 26 | 26/NQ-HĐQT | 10/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo phụ lục hợp đồng số 01 hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 27 | 27/NQ-HĐQT | 15/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo Hồ sơ mời thầu qua mạng gói thầu: “SCTX-2022-128 Cung cấp cánh quạt gió chính (01 bộ bao gồm 14 cánh, 56 bộ bu lông P/N: V8015140) phục vụ sửa chữa quạt gió chính số 1,2 lò 5 dây chuyên 2” | 100% |
| 28 | 28/NQ-HĐQT | 15/02/2023 | Về việc thông qua việc triển khai sớm các gói thầu phục vụ cho sản xuất điện Quý II, III, IV năm 2023 và Quý I năm 2024 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 29 | 29/NQ-HĐQT | 15/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Đại tu tự dùng một chiều khối 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 30 | 30/NQ-HĐQT | 16/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt chủ trương kiện toàn nhân sự chức danh Tổng Giám đốc Công ty | 100% |
| 31 | 31/NQ-HĐQT | 20/02/2023 | Về việc thành lập tổ thẩm định đấu thầu, thẩm định gói thầu: ĐTPT-2021-04 Thay mới hệ thống bảo vệ máy phát - máy biến áp khối 1,2,4 và tự dùng dự phòng TD10 bằng loại rơ le kỹ thuật số - Nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2021 | 100% |
| 32 | 32/NQ-HĐQT | 20/02/2023 | Về việc thông qua tuyển dụng lao động năm 2023 | 100% |
| 33 | 33/NQ-HĐQT | 22/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDXKT gói thầu “Đại tu Tuabin hơi số 6- Phần Bản thể (Không bao gồm khối lượng sửa chữa khắc phục sự cố S6)- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 34 | 34/NQ-HĐQT | 22/02/2023 | Về việc thông qua phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2022 | 100% |
| 35 | 35/NQ-HĐQT | 22/02/2023 | Về việc thông qua triển khai sớm gói thầu Thuê | 100% |

| | | | | |
|----|------------|------------|---|---------------------------------------|
| | | | tư vấn Luật hỗ trợ tư vấn pháp lý cho Công ty (vụ việc Dự án “Lắp đặt hệ thống làm sạch bình ngưng Dây chuyền 1” năm 2012) | |
| 36 | 36/NQ-HĐQT | 01/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Cung cấp thiết bị phục vụ đại tu lò hơi số 6 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 37 | 37/NQ-HĐQT | 01/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt chủ trương vay vốn lưu động, danh sách ngân hàng và hồ sơ yêu cầu chào cạnh tranh cấp vốn vay thương mại năm 2023 | 100% |
| 38 | 38/NQ-HĐQT | 01/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: SCTX-2023-39 Lốp bồi dưỡng nghiệp vụ, hướng dẫn thông tư 08/2022/BKHDT | 100% |
| 39 | 39/NQ-HĐQT | 01/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự toán công trình: Đại tu lò hơi 2B (Phần Thay mới thùng nghiền 2B) - nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 40 | 40/NQ-HĐQT | 03/03/2023 | Về việc thông qua Ban hành Quy chế sử dụng quỹ phúc lợi trong Công ty | 100% |
| 41 | 41/NQ-HĐQT | 04/03/2023 | Về việc thông qua mời đơn vị tư vấn kỹ thuật Tư vấn khảo sát đánh giá hiện trạng thiết bị và lập phương án kỹ thuật sửa chữa phục hồi phần bản thể Turbin hơi số 2 trong kỳ đại tu năm 2023 (NQ này lấy số ngày 04/03/2023) | 100% |
| 42 | 42/NQ-HĐQT | 07/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt Dự toán công trình: Nhà hành chính ILK (UB19); Hạng mục: Nền, sân (UBK19a); Vườn và khuôn viên (UBK19b); Chiếu sáng (UBK191) Dây chuyền 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 80% tán thành; 20% không tán thành |
| 43 | 43/NQ-HĐQT | 08/03/2023 | Về việc chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 | 100% |
| 44 | 44/NQ-HĐQT | 09/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Đại tu Turbin hơi số 6- Phần Bản thể (Không bao gồm khối lượng sửa chữa khắc phục sự cố S6)- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 45 | 45/NQ-HĐQT | 09/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDT gói thầu: “Đại tu Turbin hơi số 6- Phần thiết bị phụ (Không bao gồm khối lượng sửa chữa khắc phục sự cố S6)- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 46 | 46/NQ-HĐQT | 09/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDXKT gói thầu “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 4- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 47 | 47/NQ-HĐQT | 09/03/2023 | Về việc thông qua việc triển khai sớm các gói thầu phục vụ cho sửa chữa khối 6 Dây chuyền 2 năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 48 | 48/NQ-HĐQT | 09/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự toán công trình “Trung tu máy phát điện số 5 - Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |

| | | | | |
|----|------------|------------|---|------|
| 49 | 49/NQ-HĐQT | 13/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thí nghiệm hiệu chỉnh Lò hơi số 6, Tuabin hơi số 6 và đo đặc tuyến tổ máy số 6 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 (chuyên tiếp năm 2023) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 50 | 50/NQ-HĐQT | 13/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDT gói thầu “Cung cấp vật tư thiết bị phần cơ và phần điện phục vụ đại tu tuabin hơi số 2- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 51 | 51/NQ-HĐQT | 13/03/2023 | Về việc thông qua kết quả xếp loại chất lượng cán bộ năm 2022 đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng | 100% |
| 51 | 52/NQ-HĐQT | 14/03/2023 | Về việc thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 | 100% |
| 53 | 53/NQ-HĐQT | 14/03/2023 | Về việc thông qua việc triển khai sớm 23/24 gói thầu phục vụ sửa chữa thường xuyên | 100% |
| 54 | 54/NQ-HĐQT | 14/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-HSMT “Đại tu Hệ thống nước làm mát thứ cấp Tuabin 6- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 (chuyên tiếp năm 2023) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 55 | 55/NQ-HĐQT | 14/03/2023 | Về việc thông qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ năm 2022 đối với đối với Trưởng Phòng, Quản đốc và tương đương | 100% |
| 56 | 56/NQ-HĐQT | 14/03/2023 | Về việc thông qua phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2024 | 100% |
| 57 | 57/NQ-HĐQT | 17/03/2023 | Về việc thông qua thanh toán 88% khối lượng hoàn thành (giai đoạn 2) công trình sửa chữa lớn phần Đại tu tuabin hơi số 5 (Phần bản thể) | 100% |
| 58 | 58/NQ-HĐQT | 17/03/2023 | Về việc thông qua phân chia gói thầu “Đại tu Tuabin hơi số 6 - Phần thiết bị phụ (Không bao gồm khối lượng sửa chữa khác phục sự cố S6) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” thành các gói thầu phù hợp, đảm bảo thực hiện đại tu khối 6 đồng bộ thời gian sửa chữa Rô to Tuabin-máy phát 6 | 100% |
| 59 | 59/NQ-HĐQT | 03/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 04 gói thầu phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2023 | 100% |
| 60 | 60/NQ-HĐQT | 03/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-HSMT “Cung cấp bộ hâm nước, bộ sấy không khí phục vụ đại tu Lò hơi 2A và Lò hơi 2B - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ” | 100% |
| 61 | 61/NQ-HĐQT | 04/04/2023 | Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ sửa chữa lớn năm 2022 (chuyên tiếp năm 2023). | 100% |
| 62 | 62/NQ-HĐQT | 04/04/2023 | Họp Hội đồng quản trị quý 4 năm 2022, nhiệm vụ quý 1 năm 2023 | 100% |
| 63 | 63/NQ-HĐQT | 05/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDXKT gói thầu “SCTX-2022-101 Cung cấp bi máy nghiền phục vụ cho sản xuất điện nguồn vốn sửa chữa thường xuyên năm 2022 Công ty | 100% |

| | | | | |
|----|------------|------------|--|------|
| | | | Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ” | |
| 64 | 64/NQ-HĐQT | 05/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-HSMT “Đại tu Thiết bị điện sau máy phát số 6 (phần Máy cắt đầu cực 906) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 (chuyển tiếp năm 2023) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 65 | 65/NQ-HĐQT | 05/04/2023 | Về việc thông qua việc triển khai sớm các gói thầu phục vụ cho kiểm định định kỳ hàng năm Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 66 | 66/NQ-HĐQT | 05/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2023-29: Kiểm kê than tồn kho và phân tích các chỉ tiêu chất lượng than Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 67 | 67/NQ-HĐQT | 05/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trúng chào giá đợt 2 gói thầu “SCTX-2022-08-Cung cấp và vận chuyển Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện năm 2022 và quý I năm 2023 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 68 | 68/NQ-HĐQT | 05/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2022-135: Sửa chữa cân than băng tải 2A Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2023” | 100% |
| 69 | 69/NQ-HĐQT | 05/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả đánh giá E-HSDXKT gói thầu “SCTX-2022-128 Cung cấp cánh quạt gió chính (01 bộ bao gồm 14 cánh, 56 bộ bu lông P/N: V8015140) phục vụ sửa chữa quạt gió chính số 1,2 lò 5 dây chuyên 2” | 100% |
| 70 | 70/NQ-HĐQT | 13/04/2023 | Về việc thông qua triển khai sớm gói thầu: “Tư vấn khảo sát đánh giá hiện trạng thiết bị và lập phương án kỹ thuật sửa chữa phục hồi phần bản thể Turbin hơi số 2 trong kỳ đại tu năm 2023” | 100% |
| 71 | 71/NQ-HĐQT | 14/04/2023 | Về việc thông qua tạm thời áp dụng trực tiếp Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại PPC | 100% |
| 72 | 72/NQ-HĐQT | 14/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ cho sản xuất điện năm 2023 và Quý 1 năm 2024 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 73 | 73/NQ-HĐQT | 14/04/2023 | so Về việc thông qua phê duyệt dự toán: Cung cấp bi máy nghiền phục vụ sản xuất điện năm 2023 và Quý I năm 2024 | 100% |
| 74 | 74/NQ-HĐQT | 17/04/2023 | Về việc cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu, mở thầu gói thầu: “Đại tu Thiết bị điện sau máy phát số 6 (phần Máy cắt đầu cực 906) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 (chuyển tiếp năm 2023) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 75 | 75/NQ-HĐQT | 18/04/2023 | Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 | 100% |
| 76 | 76/NQ-HĐQT | 19/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: SCTX - 2022 - 119 Cung cấp Máy biến điện áp 110kV(TU), Máy biến điện áp 220kV(TU) - nguồn vốn sửa chữa thường xuyên năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 77 | 77/NQ-HĐQT | 20/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-HSMT “Đại tu hệ thống thiết bị phụ Tuabin hơi số 6 | 100% |

| | | | | |
|----|------------|------------|---|------|
| | | | (bao gồm vật tư, không bao gồm thiết bị)” | |
| 78 | 78/NQ-HĐQT | 20/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự thảo E-HSMT “Cung cấp các chủng loại gioăng, phớt, tét chèn, vòng bi, ty van điều chỉnh phục vụ sửa chữa lớn hệ thống thiết bị phụ tuabin hơi số 6” | 100% |
| 79 | 79/NQ-HĐQT | 21/04/2023 | Về việc thông qua bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty | 100% |
| 80 | 80/NQ-HĐQT | 21/04/2023 | Về việc thông qua lựa chọn phương án sửa chữa vết nứt bằng đa rô to hạ áp tuabin số 6 | 100% |
| 81 | 81/NQ-HĐQT | 21/04/2023 | Về việc thông qua kết quả rà soát, bổ sung QHCB giai đoạn 2021-2026 và xây dựng mới QHCB giai đoạn 2026-2031 | 100% |
| 82 | 82/NQ-HĐQT | 21/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự toán “Chi phí thuê nhân công lao động phục vụ phụ trợ - Nguồn vốn sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 83 | 83/NQ-HĐQT | 21/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2022-108 Thuê nhân công nấu ăn ca, lễ tân, Photocopy-tạp vụ, quản trị tuyên truyền, khánh tiết, sửa chữa điện nước (Tính cho 12 tháng) - Nguồn vốn sản xuất điện năm 2022” | 100% |
| 84 | 84/NQ-HĐQT | 21/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “ĐTPT 2023 - 01 Cân ô tô điện tử 120 tấn Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 85 | 85/NQ-HĐQT | 24/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: KHLCNT số 03 - Đại tu Nhà hành chính ILK thuộc công trình sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 86 | 86/NQ-HĐQT | 24/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2023 và Quý 1 năm 2024 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (Các gói thầu có giá trị từ trên 1 tỷ đến dưới 30 tỷ) | 100% |
| 87 | 87/NQ-HĐQT | 25/04/2023 | Về việc xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội cổ đông năm 2023 Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn | 100% |
| 88 | 88/NQ-HĐQT | 25/04/2023 | Về việc xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam | 100% |
| 89 | 89/NQ-HĐQT | 25/04/2023 | Về việc gia hạn thời gian trả nợ Khế ước nhận nợ số 03 của Hợp đồng huy động vốn nhân rồi số 01-2015 | 100% |
| 90 | 90/NQ-HĐQT | 25/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự toán: Cung cấp Máy biến điện áp 110kV(TU), Máy biến điện áp 220kV(TU) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 91 | 91/NQ-HĐQT | 25/04/2023 | Về việc xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | 100% |
| 92 | 92/NQ-HĐQT | 26/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 4- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 93 | 93/NQ-HĐQT | 26/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “SCTX-2022- 101 Cung cấp | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|--|------|
| | | | bi máy nghiền phục vụ cho sản xuất điện nguồn vốn sửa chữa thường xuyên năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | |
| 94 | 94/NQ-HĐQT | 27/04/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt vành chèn vành chắn hơi đầu cánh động phục vụ đại tu tuabin hơi số 2 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 95 | 95/NQ-HĐQT | 28/04/2023 | Về việc thông qua các nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 | 100% |
| 96 | 96/NQ-HĐQT | 04/05/2023 | Về việc cử lại NĐDPV của PPC tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh và thôi cử NĐDPV của PPC tại CTCP Nhiệt điện Bà Rịa | 100% |
| 97 | 97/NQ-HĐQT | 04/05/2023 | Về việc thông qua phê duyệt dự toán SCTX-2023-14-Cung cấp và vận chuyển Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện năm 2023 và quý I năm 2024 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 98 | 98/NQ-HĐQT | 04/05/2023 | Về việc thông qua phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu : SCTX-2023-26: Sửa chữa các đoạn máng cáp từ nhà máy chính đến công Bắc Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 99 | 99/NQ-HĐQT | 08/05/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn Ngân hàng cho vay vốn lưu động mua nhiên liệu phục vụ hoạt động SXKD năm 2023 và phê duyệt hạn mức tín dụng, hợp đồng tín dụng giữa Công ty và các Ngân hàng | 100% |
| 100 | 100/NQ-HĐQT | 16/05/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2022-128 Cung cấp cánh quạt gió chính (01 bộ bao gồm 14 cánh, 56 bộ bu lông P/N: V8015140) phục vụ sửa chữa quạt gió chính số 1,2 lò 5 dây chuyên 2” | 100% |
| 101 | 101/NQ-HĐQT | 16/05/2023 | Về việc thông qua Ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 102 | 102/NQ-HĐQT | 16/05/2023 | Về việc thông qua mô hình tổ chức và định biên lao động Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 103 | 103/NQ-HĐQT | 16/05/2023 | Về việc thông qua phê duyệt phụ lục hợp đồng số 03 hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn công nghiệp than- khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 104 | 104/NQ-HĐQT | 16/05/2023 | Về việc cử nhân sự tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | 100% |
| 105 | 105/NQ-HĐQT | 16/05/2023 | Về việc xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (Phần bổ sung) | 100% |
| 106 | 106/NQ-HĐQT | 16/05/2023 | Về việc phê duyệt phê duyệt phụ lục hợp đồng số 02 hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn công nghiệp than- khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 107 | 107/NQ-HĐQT | 19/05/2023 | Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (Hiệu chỉnh dự thảo điều lệ công ty; Quy chế nội bộ quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị) | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|---|------|
| 108 | 108/NQ-HĐQT | 19/05/2023 | Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (Hiệu chỉnh chỉnh tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS kế hoạch năm 2023) | 100% |
| 109 | 109/NQ-HĐQT | 19/05/2023 | Về việc thông qua phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu SCTX-2023-14-Cung cấp và vận chuyển Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện năm 2023 và quý I năm 2024 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 110 | 110/NQ-HĐQT | 19/05/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu Thiết bị điện sau máy phát số 6 (phần Máy cắt đầu cực 906) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 (chuyển tiếp năm 2023) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 111 | 111/NQ-HĐQT | 22/05/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu Hệ thống nước làm mát thứ cấp Tuabin 6- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 (chuyển tiếp năm 2023) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 112 | 112/NQ-HĐQT | 23/05/2023 | Về việc thông qua việc triển khai sớm các gói thầu sử dụng vốn sản xuất kinh doanh năm 2023 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 113 | 113/NQ-HĐQT | 23/05/2023 | Về việc thông qua phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: KHLCNT số 2 - Các gói thầu có giá gói thầu dưới 30 tỷ ,thuộc công trình: Sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 114 | 114/NQ-HĐQT | 24/05/2023 | Về việc thông qua triển khai sớm các gói thầu sử dụng vốn sản xuất kinh doanh năm 2023 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 115 | 115/NQ-HĐQT | 24/05/2023 | ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI | 100% |
| 116 | 116/NQ-HĐQT | 24/05/2023 | Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị | 100% |
| 117 | 117/NQ-HĐQT | 25/05/2023 | Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 | 100% |
| 118 | 118/NQ-HĐQT | 26/05/2023 | Về việc cử lại Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | 100% |
| 119 | 120/NQ-HĐQT | 01/06/2023 | Về việc thành lập tổ thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình “lắp mới kháng hạn chế dòng điện ngắn mạch sân phân phối 220kV Nhiệt điện Phả Lại”) | 100% |
| 120 | 121/NQ-HĐQT | 05/06/2023 | Về việc đề cử thành viên Ban kiểm soát tại Công ty CP Nhiệt điện Quang Ninh | 100% |
| 121 | 122/NQ-HĐQT | 05/06/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Đại tu hệ thống thiết bị phụ Tuabin hơi số 6 (bao gồm vật tư, không bao gồm thiết bị)” | 100% |
| 122 | 123/NQ-HĐQT | 05/06/2023 | Về việc phê duyệt dự thảo phụ lục hợp đồng số 02, 03 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 123 | 124/NQ-HĐQT | 05/06/2023 | Về việc xếp lương đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty | 100% |
| 124 | 125/NQ-HĐQT | 05/06/2023 | về Hợp Hội đồng quản trị quý 1 năm 2023, | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|--|---|
| | | | nhiệm vụ quý 2 năm 2023 (NQ này lấy số ngày 31/5/2023) | |
| 125 | 126/NQ-HĐQT | 07/06/2023 | Về việc thông qua bổ nhiệm lại cán bộ | 100% |
| 126 | 127/NQ-HĐQT | 09/06/2023 | Về việc thành lập Tổ thẩm định đấu thầu các gói thầu sửa chữa lớn năm 2023 trên 5 tỷ đồng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 127 | 128/NQ-HĐQT | 09/06/2023 | Về việc phê duyệt phụ lục hợp đồng số 04 hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn công nghiệp than- khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 128 | 129/NQ-HĐQT | 09/06/2023 | Về việc thông qua duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Cung cấp các chủng loại gioăng, phớt, tét chèn, vòng bi, ty van điều chỉnh phục vụ sửa chữa lớn hệ thống thiết bị phụ tuabin hơi số 6” | 100% |
| 129 | 130/NQ-HĐQT | 12/06/2023 | Về việc thông qua miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Xuân Dũng để chuyển công tác về Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn | 100% |
| 130 | 131/NQ-HĐQT | 13/06/2023 | Về việc thành lập Tổ công tác sửa chữa khắc phục sự cố tổ máy S6 và triển khai dự án cải tạo các tổ máy Dây chuyên 1 | 100% |
| 131 | 132/NQ-HĐQT | 14/06/2023 | Về việc thông qua các nội dung biểu quyết trong HĐQT & Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của EVNI | 100% |
| 131 | 133/NQ-HĐQT | 14/06/2023 | Về việc thông qua các biểu quyết trong HĐQT và Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của NDD phần vốn góp của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh | 80% tán thành theo báo cáo của TGD; 20% tán thành theo văn bản của NDDPV tại Nhiệt điện Quảng Ninh |
| 133 | 134/NQ-HĐQT | 16/06/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu: KHLCNT số 1 - Các gói thầu có giá gói thầu trên 30 tỷ, thuộc công trình: Sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 134 | 135/NQ-HĐQT | 16/06/2023 | Về việc thông qua dự toán “Cung cấp bi máy nghiên phục vụ cho sản xuất Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 135 | 136/NQ-HĐQT | 20/06/2023 | Về việc thông qua phê kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu “Cung cấp hàng hóa - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 136 | 137/NQ-HĐQT | 20/06/2023 | Về việc thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 05 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 137 | 138/NQ-HĐQT | 21/06/2023 | Thông qua trả cổ tức lần 1 năm 2022 bằng tiền mặt | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|--|---------------------------------------|
| 138 | 139/NQ-HĐQT | 23/06/2023 | Về việc thành lập Tổ thẩm định đấu thầu các gói thầu sửa chữa lớn năm 2023 trên 30 tỷ đồng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 139 | 140/NQ-HĐQT | 23/06/2023 | Về việc thông qua chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 27/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 140 | 141/NQ-HĐQT | 26/06/2023 | Về việc thông qua tạm ứng và thông qua dự thảo phụ lục Hợp đồng số 4063/2022/HĐ-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN ngày 19/9/2022 | 60% tán thành; 40% không có ý kiến |
| 141 | 142/NQ-HĐQT | 28/06/2023 | Về việc thông qua bổ sung phí dịch vụ kiểm toán, soát xét các báo cáo tài chính năm 2022 và dự thảo phụ lục hợp đồng kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2022 (Hợp đồng cung ứng dịch vụ chuyên môn số 22-01-00344 ký ngày 5 tháng 7 năm 2022) | 100% |
| 142 | 143/NQ-HĐQT | 28/06/2023 | Về việc thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng chuyển đổi danh mục công trình Đại tu tự dùng một chiều khối 5 sang danh mục công trình Đại tu tự dùng một chiều khối 6 | 100% |
| 143 | 144/NQ-HĐQT | 28/06/2023 | Về việc thông qua Báo cáo số 2995/BC-PPC về việc thực hiện kết luận của Thứ trưởng Bộ Công thương tại văn bản 144/TB-BCT | 100% |
| 144 | 145/NQ-HĐQT | 30/06/2023 | Thông qua trả cổ tức lần 1 năm 2022 bằng tiền mặt | 100% |
| 145 | 146/NQ-HĐQT | 30/06/2023 | Về việc thông qua hỗ trợ kinh phí xây dựng trường mầm non xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình | 100% |
| 146 | 147/NQ-HĐQT | 04/07/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2023-80 Thí nghiệm sai số hệ thống máy biến dòng điện đầu cực, phê duyệt mẫu máy biến dòng, máy biến điện áp 110kV/220kV” | 100% |
| 147 | 148/NQ-HĐQT | 04/07/2023 | Về việc thay đổi xuất xứ hàng hóa và thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 4063/2022/HĐ-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN ngày 19/9/2022 | 60% tán thành; 40% không có ý kiến |
| 148 | 149/NQ-HĐQT | 05/07/2023 | Về việc thành lập và kiện toàn các Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 149 | 150/NQ-HĐQT | 06/07/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023” | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|---|------|
| 150 | 151/NQ-HĐQT | 06/07/2023 | Về việc dự thảo phụ lục hợp đồng số 05 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 151 | 152/NQ-HĐQT | 07/07/2023 | Về việc thông qua Báo cáo số 3086/BC-PPC về việc công tác sửa chữa, khắc phục sự cố tổ máy S6 | 100% |
| 152 | 153/NQ-HĐQT | 07/07/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thuê container kho 20 feet phục vụ khắc phục sự cố tuabin máy phát S6” | 100% |
| 153 | 154/NQ-HĐQT | 10/07/2023 | Thông qua Chương trình tổng thể thực hành Tiết kiệm chống lãng phí và Kế hoạch triển khai Chủ đề năm 2023 | 100% |
| 154 | 155/NQ-HĐQT | 13/07/2023 | Về việc thông qua báo cáo thực hiện kế hoạch Kiểm soát tuân thủ năm 2023 | 100% |
| 155 | 156/NQ-HĐQT | 13/07/2023 | Về việc kiện toàn Hội đồng xử lý nợ của Công ty | 100% |
| 156 | 157/NQ-HĐQT | 13/07/2023 | NQ so Về việc thông qua bổ sung Danh mục đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò 1A, 1B vào kế hoạch Sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 157 | 158/NQ-HĐQT | 13/07/2023 | Về việc thông qua gói thầu “SCTX-2023-35 Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên” và gói thầu “SCTX-2023-27 Cung cấp động cơ bơm cấp 6kV 2000KW phục vụ sửa chữa bơm cấp 2A dây chuyền 1” | 100% |
| 158 | 159/NQ-HĐQT | 19/07/2023 | Về việc thông qua chủ trương kiện toàn nhân sự chức danh Phó Trưởng phòng An toàn và Môi Trường | 100% |
| 159 | 160/NQ-HĐQT | 21/07/2023 | Về việc thông qua Báo cáo số 3483/BC-PPC về việc thực hiện Nghị quyết số 144/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty triển khai kết luận của thứ trưởng Bộ Công thương | 100% |
| 160 | 161/NQ-HĐQT | 31/07/2023 | Về việc tạm giao phụ trách bộ phận pháp chế cho bà Đỗ Phương Thảo | 100% |
| 161 | 162/NQ-HĐQT | 31/07/2023 | Về việc thông qua kết quả đánh giá E-HSĐXKT gói thầu “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 2 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 162 | 163/NQ-HĐQT | 31/07/2023 | Về việc thông qua gia hạn hợp đồng gói thầu “SCTX-2022-04 Chi phí thuê nhân công lao động phục vụ phụ trợ - Nguồn vốn sản xuất điện năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|--|---------------------------------------|
| 163 | 164/NQ-HĐQT | 31/07/2023 | Về việc thông qua giao nhiệm vụ phụ trách phòng An toàn và Môi trường | 100% |
| 164 | 165/NQ-HĐQT | 02/08/2023 | NQ so Về việc thông qua điều chỉnh dự toán tại các tờ trình số 3496/TTr-PPC; 3497/TTr-PPC; 3498/TTr-PPC; 3499/TTr-PPC; 3521/TTr-PPC; 3557/TTr-PPC | 100% |
| 165 | 166/NQ-HĐQT | 02/08/2023 | Về việc thông qua Báo cáo số 3724/BC-PPC về việc nhu cầu than cho sản xuất điện 5 tháng cuối năm 2023 và dự kiến năm 2024 | 100% |
| 166 | 167/NQ-HĐQT | 02/08/2023 | Về việc triển khai thực hiện đàm phán giá điện Phả Lại 1 giai đoạn 2024-2027 | 100% |
| 167 | 168/NQ-HĐQT | 02/08/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: SCTX-2023-88-Tham quan du lịch Thái Lan, Đà Loan, Quy Nhơn-Nha Trang, Tây Nguyên (Đắk Lắk-Gia Lai-Kon Tum) của người lao động năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 168 | 169/NQ-HĐQT | 02/08/2023 | Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi 3B - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 169 | 170/NQ-HĐQT | 04/08/2023 | NQ so Về việc thay đổi tổ trưởng Tổ thẩm định gói thầu “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 2- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 170 | 171/NQ-HĐQT | 04/08/2023 | Về việc thông qua Báo cáo số 3847/BC-PPC ngày 03 tháng 08 năm 2023 về việc triển khai thông báo số 61-TB/ĐU của Đảng ủy Công ty | 100% |
| 171 | 172/NQ-HĐQT | 10/08/2023 | Về việc thay đổi part number hàng hóa và thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 4063/2022/HĐ-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN ngày 19/9/2022 | 60% tán thành; 40% không có ý kiến |
| 172 | 173/NQ-HĐQT | 11/08/2023 | NQ so Về việc thông qua dự toán Cung cấp và vận chuyển bổ sung khối lượng Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện năm 2023 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|--|------|
| 173 | 174/NQ-HĐQT | 11/08/2023 | Về việc thông qua điều chỉnh dự toán tại các tờ trình số 3784/TTr-PPC; 3785/TTr-PPC; 3787/TTr-PPC; Dự toán tại tờ trình số 3788/TTr-PPC | 100% |
| 174 | 175/NQ-HĐQT | 14/08/2023 | Về việc thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 06 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 175 | 176/NQ-HĐQT | 14/08/2023 | Về việc thông qua điều chỉnh dự toán tại các tờ trình số 3839/TTr-PPC; 3840/TTr-PPC; 3909/TTr-PPC; 3910/TTr-PPC; 3911/TTr-PPC; 3912/TTr-PPC; 3913/TTr-PPC | 100% |
| 176 | 177/NQ-HĐQT | 15/08/2023 | Về việc thông tạm thời áp dụng các sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về công tác Quản lý kỹ thuật trong EVN tại PPC | 100% |
| 177 | 178/NQ-HĐQT | 15/08/2023 | Về việc thông qua điều chỉnh dự toán tại các tờ trình số 3505/TTr-PPC; 3918/TTr-PPC; dự toán tại tờ trình số 3890/TTr-PPC | 100% |
| 178 | 179/NQ-HĐQT | 17/08/2023 | NQ so Về việc thông qua dự thảo E-HSMT “Đại tu Tuyến băng tải đường sông A, tuyến băng tải đường sông B, Cấp than lên lò tuyến A (Gồm các băng tải 1A,2A,3A,4A,5, Tripper 1A) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 179 | 180/NQ-HĐQT | 17/08/2023 | NQ so Về việc thông qua điều chỉnh dự toán công trình “Trung tu máy phát điện số 5 - Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 180 | 181/NQ-HĐQT | 17/08/2023 | NQ so Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: Cung cấp và lắp đặt bộ sấy không khí cấp 2 phục vụ đại tu lò hơi 3A, lò hơi 3B - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 181 | 182/NQ-HĐQT | 18/08/2023 | NQ so Về việc thông qua gói thầu “SCTX-2023-105: Kiểm định các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động năm 2023” | 100% |
| 182 | 183/NQ-HĐQT | 18/08/2023 | Về việc thông qua kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả khắc phục theo Kết luận thanh tra số 4463/KL-BCT ngày 10/7/2023 | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|--|---------------------------------------|
| 183 | 184/NQ-HĐQT | 21/08/2023 | Về việc thông qua dự toán “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi 1B- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”; Dự toán “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi 1A- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 184 | 185/NQ-HĐQT | 22/08/2023 | Về việc thông qua ký phụ lục hợp đồng khung bổ sung khối lượng dầu FO của hợp đồng khung số 3653/2022/HĐK-PPC-HẢI BÌNH-B12 ngày 25/8/2022 và hợp đồng khung số 3654/2022/HĐK-PPC-LONG HƯNG ngày 25/8/2022 | 100% |
| 185 | 186/NQ-HĐQT | 22/08/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2023-112: Cung cấp các loại vật tư thiết bị phục vụ sửa chữa và vận hành dây chuyền 2” | 100% |
| 186 | 187/NQ-HĐQT | 24/08/2023 | Về việc thông qua chủ trương điều động, bổ nhiệm cán bộ | 100% |
| 187 | 188/NQ-HĐQT | 29/08/2023 | NQ so Hội đồng quản trị quý 2 năm 2023, nhiệm vụ quý 3 năm 2023 | 100% |
| 188 | 189/NQ-HĐQT | 30/08/2023 | Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi 3B - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại báo cáo số 4327/BC-PPC | 100% |
| 189 | 190/NQ-HĐQT | 30/08/2023 | Về việc thông qua chuyển đổi vị trí công tác | 80% tán thành; 20% không tán thành |
| 190 | 191/NQ-HĐQT | 30/08/2023 | Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 2 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 191 | 192/NQ-HĐQT | 31/08/2023 | NQ so Về việc thông qua điều chỉnh dự toán “Đại tu hệ thống khử khoáng nhánh A Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2023”; Dự toán “Chi phí thuê nhân công lao động phục vụ phụ trợ - Nguồn vốn sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 192 | 193/NQ-HĐQT | 07/09/2023 | Về việc thông qua dự thảo E-HSMT gói thầu: Đại tu Nhà hành chính ILK; Hạng mục: nền, sân, vườn và khuôn viên, chiếu sáng Dây chuyền 1 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 - Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 193 | 194/NQ-HĐQT | 07/09/2023 | Về việc thông qua Ban hành Quy chế công bố thông tin trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|---|---|
| 194 | 195/NQ-HĐQT | 07/09/2023 | Về việc thông qua Dự toán nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2024 các công trình tại tờ trình số 3559/TTr-PPC; 3560/TTr-PPC; 3561/TTr-PPC | 100% |
| 195 | 196/NQ-HĐQT | 12/09/2023 | Về việc thông qua Dự toán nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2024 tại các tờ trình số 4319/TTr-PPC; 4320/TTr-PPC; 4321/TTr-PPC; 4322/TTr-PPC; 4342/TTr-PPC | 100% |
| 196 | 197/NQ-HĐQT | 12/09/2023 | Về việc thông qua Dự toán nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2024 tại các tờ trình số 4216/TTr-PPC; 4217/TTr-PPC; 4218/TTr-PPC; 4402/TTr-PPC | 100% |
| 197 | 198/NQ-HĐQT | 13/09/2023 | Về việc thông qua điều động, bổ nhiệm cán bộ | 100% |
| 198 | 199/NQ-HĐQT | 15/09/2023 | Về việc thông qua dự thảo E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Trung tu máy phát điện số 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 199 | 200/NQ-HĐQT | 15/09/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX2023-03-Cung cấp Bánh răng chủ liên trục máy nghiền PN: CO2- 062752 Phục vụ công tác sửa chữa Quý II, III, IV năm 2023 & Quý I năm 2024” | 100% |
| 200 | 201/NQ-HĐQT | 15/09/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thuê dịch vụ gác chắn, Tuàn đường tuyến đường sắt chuyên dùng - Nguồn vốn sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 201 | 202/NQ-HĐQT | 15/09/2023 | Về việc thông qua Dự toán nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2024 tại các tờ trình số 4519/TTr-PPC; 4529/TTr-PPC; 4532/TTr-PPC | TTr-4529 có tỷ lệ 100%; còn lại tỷ lệ 80% tán thành; 20 % không tán thành |
| 202 | 203/NQ-HĐQT | 20/09/2023 | NQ so Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu “Đại tu cầu trục bốc than số 2, số 4- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 203 | 204/NQ-HĐQT | 21/09/2023 | Về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “SCTX-2023-68 mua quà lưu niệm nhân kỷ niệm 40 năm ngày phát điện của Công ty” | Không thông qua do tỷ lệ tán thành là 40%; 60 % không |

| | | | | có ý kiến |
|-----|-------------|------------|---|---------------------------------------|
| 204 | 205/NQ-HĐQT | 21/09/2023 | Về việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc phê duyệt giá gói thầu trong các Kế hoạch Lựa chọn nhà thầu đã được HĐQT phê duyệt | 100% |
| 205 | 206/NQ-HĐQT | 22/09/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thuê nhân công lao động phục vụ phụ trợ và chọc xi - Nguồn vốn sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 206 | 207/NQ-HĐQT | 25/09/2023 | Thông qua trả cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền mặt | 100% |
| 207 | 208/NQ-HĐQT | 26/09/2023 | NQ so Về việc thông qua dự toán "Đai tu các máy thổi bụi lò 6 - Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2024 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại"; Dự toán "Chi phí mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2024 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại" | 100% |
| 208 | 209/NQ-HĐQT | 28/09/2023 | Về việc thông qua Ban hành Quy định áp dụng một số biện pháp về phòng, chống tham nhũng trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 80% tán thành; 20% không có ý kiến |
| 209 | 210/NQ-HĐQT | 29/09/2023 | Về việc thông qua hiệu chỉnh dự thảo E-Hồ sơ mời thầu gói thầu "Trung tu máy phát điện số 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại" | 100% |
| 210 | 211/NQ-HĐQT | 29/09/2023 | Về việc hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà mái ấm tình thương, nhà chữ thập đỏ, nhà cho hộ chính sách, nhà cho hộ nghèo | 100% |
| 211 | 212/NQ-HĐQT | 29/09/2023 | Về việc thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 07 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 212 | 213/NQ-HĐQT | 29/09/2023 | Về việc thông qua Dự toán nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2024 tại các tờ trình số 4826/TTr-PPC; 4827/TTr-PPC; 4828/TTr-PPC | 80% tán thành; 20% không tán thành |
| 213 | 214/NQ-HĐQT | 04/10/2023 | NQ so Về việc điều chỉnh thời gian trả cổ tức năm 2022 bằng tiền theo báo cáo của NĐDPV của PPC tại CTCP Thủy điện Buôn Đôn | 100% |
| 214 | 215/NQ-HĐQT | 04/10/2023 | NQ so Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu 08 gói thầu sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh năm 2023 (các gói SCTX-2023-10 ; 16; 63; 72; 84; 87; 18; 122) | 100% |
| 215 | 216/NQ-HĐQT | 04/10/2023 | NQ so Về việc thông qua giá trị sửa chữa lớn công trình và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Đai tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 1- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|---|------|
| | | | ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | |
| 216 | 217/NQ-HĐQT | 09/10/2023 | Về việc thông qua chủ trương kéo dài thời gian chức vụ | 100% |
| 217 | 218/NQ-HĐQT | 11/10/2023 | Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: SCTX-2023-69 Cung cấp Máy biến điện áp 110kV(TU), Máy biến điện áp 220kV(TU) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 218 | 219/NQ-HĐQT | 11/10/2023 | Về việc thông qua nội dung báo cáo Bộ Công thương kèm theo văn bản số 5230/PPC-QLDA ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc Bổ sung DC1, DC2 NMNĐ Phả Lại vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ | 100% |
| 219 | 220/NQ-HĐQT | 12/10/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: SCTX-2023-81Cung cấp bi máy nghiền phục vụ sản xuất điện năm 2023 và Quý I năm 2024” | 100% |
| 220 | 221/NQ-HĐQT | 12/10/2023 | Về việc thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trúng chào giá đợt 3 gói thầu “SCTX-2022-08-Cung cấp và vận chuyển Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện năm 2022 và quý I năm 2023 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 221 | 222/NQ-HĐQT | 13/10/2023 | NQ so Về việc thông qua dự toán “Đại tu hệ thống PLC nhiên liệu DC2 (Gồm 16 hệ thống PLC: Các trạm A, B, C, D và 09 máy); dự toán “Đại tu tự dùng hạ thế phụ - Xử lý nước - Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại năm 2024” | 100% |
| 222 | 223/NQ-HĐQT | 13/10/2023 | Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu“Đại tu khí nén đo lường, khí nén phục vụ - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 223 | 224/NQ-HĐQT | 17/10/2023 | Về việc thông qua Ủy quyền phê duyệt E-HSMT cho Tổng Giám đốc Công ty | 100% |
| 224 | 225/NQ-HĐQT | 18/10/2023 | NQ so Về việc thành lập các tiểu ban phục vụ Lễ kỷ niệm 40 năm ngày phát điện tổ máy đầu tiên của Công ty | 100% |
| 225 | 226/NQ-HĐQT | 18/10/2023 | Về việc thành lập Tổ thẩm định đấu thầu gói thầu “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 1- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 226 | 227/NQ-HĐQT | 20/10/2023 | Về việc chủ trương thực hiện hạng mục: Tổ chức sự kiện 40 năm ngày phát điện của Công ty năm 2023 và Ủy quyền cho Tổng Giám đốc | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|--|------|
| 227 | 228/NQ-HĐQT | 23/10/2023 | Về việc cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu, mở thầu gói thầu “Trung tu máy phát điện số 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” (lấy số Nghị Quyết Ngày 23/10/2023) | 100% |
| 228 | 229/NQ-HĐQT | 25/10/2023 | Về việc thông qua dự toán công trình: Đại tu thiết bị điện sau máy phát số 1 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại - năm 2024 | 100% |
| 229 | 230/NQ-HĐQT | 25/10/2023 | Về việc đàm phán giá điện NMNĐ Phả Lại 1 giai đoạn 2024-2027 | 100% |
| 230 | 231/NQ-HĐQT | 01/11/2023 | Về việc thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 09 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 231 | 232/NQ-HĐQT | 01/11/2023 | Về việc thành lập tổ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật “Lắp đặt trạm quan trắc khí thải Dây chuyền 2 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 232 | 233/NQ-HĐQT | 01/11/2023 | NQ so Về việc bổ sung khối lượng và giá trị công trình “Đại tu Tua bin hơi số 2 - Nguồn vốn sửa chữa lớn năm 2022 (Chuyển tiếp năm 2023) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 233 | 234/NQ-HĐQT | 01/11/2023 | Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: Đại tu thiết bị khử khoáng khối 2 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 234 | 235/NQ-HĐQT | 03/11/2023 | Về việc cho phép điều chỉnh thuế suất GTGT và thông qua dự thảo Phụ lục Hợp đồng số 4063/2022/HĐ-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN ngày 19/9/2022 | 100% |
| 235 | 236/NQ-HĐQT | 03/11/2023 | Về việc cho phép thay đổi part number hàng hóa và thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 4063/2022/HĐ-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN ngày 19/9/2022 | 100% |
| 236 | 237/NQ-HĐQT | 04/11/2023 | Về việc cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu, mở thầu gói thầu “Trung tu máy phát điện số 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 237 | 238/NQ-HĐQT | 06/11/2023 | Về việc thông qua dự thảo dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: Đại tu lò hơi 4A (Thay mới thùng nghiền 4A) - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 238 | 239/NQ-HĐQT | 06/11/2023 | NQ so Về việc thông qua dự thảo Hợp đồng Mua Bán than năm 2024 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 239 | 240/NQ-HĐQT | 06/11/2023 | Về việc thông qua dự thảo E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Trung tu bộ sấy không khí lò hơi số 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|---|----------------------------------|
| 240 | 241/NQ-HĐQT | 07/11/2023 | Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: Đại tu Cầu trục - Pa lăng khu vực lò 5, lò 6 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 241 | 242/NQ-HĐQT | 10/11/2023 | Về việc thông qua giao nhiệm vụ phụ trách đơn vị | 100% |
| 242 | 243/NQ-HĐQT | 10/11/2023 | Về việc thông qua dự thảo Hợp đồng mua bán than năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 243 | 244/NQ-HĐQT | 22/11/2023 | Về việc thông qua bổ sung danh mục trung/đại tu hệ thống khử lưu huỳnh lò 5&6 và phần chung vào Danh mục Sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 244 | 245/NQ-HĐQT | 22/11/2023 | Về việc phê duyệt hồ sơ quản trị rủi ro cấp quy trình năm 2023 tại PPC | 100% |
| 245 | 246/NQ-HĐQT | 27/11/2023 | Về việc thông qua kéo dài thời gian chức vụ đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu | 100% |
| 246 | 247/NQ-HĐQT | 27/11/2023 | Về việc dự thảo phụ lục hợp đồng số 08 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 247 | 248/NQ-HĐQT | 27/11/2023 | Về việc chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 | 100% |
| 248 | 249/NQ-HĐQT | 27/11/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Khám sức khỏe định kỳ đợt II cho người lao động năm 2023” | 100% |
| 249 | 250/NQ-HĐQT | 29/11/2023 | Về việc cho phép điều chỉnh thuế suất GTGT và thông qua dự thảo Phụ lục Hợp đồng số 1171/2023/HĐ-PPC-NPS&LONGBIEN ngày 14/3/2023 | 100% |
| 250 | 251/NQ-HĐQT | 29/11/2023 | Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Trung tu máy phát điện số 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Trung tu máy phát điện số 5 - Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 251 | 252/NQ-HĐQT | 29/11/2023 | Về việc cho phép thay đổi xuất xứ hàng hóa và thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 1171/2023/HĐ-PPC-NPS&LONGBIEN ngày 14/3/2023 | 60% tán thành; 40% không có ý |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|--|---------------------------------------|
| | | | | kiến |
| 252 | 253/NQ-HĐQT | 30/11/2023 | Về việc xác định giá trị hoàn thành, tạm thanh toán và thông qua dự thảo phụ lục Hợp đồng số 4063/2022/HĐ-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN ngày 19/9/2022 | 60% tán thành; 40% không có ý kiến |
| 253 | 254/NQ-HĐQT | 30/11/2023 | Về việc triển khai thực hiện dự án “Mở rộng ngăn lộ 220kV tại SPP 220kV Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 254 | 255/NQ-HĐQT | 30/11/2023 | Về việc thông qua bổ sung, sửa đổi dự thảo Hợp đồng mua bán than năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 255 | 256/NQ-HĐQT | 01/12/2023 | Thay đổi hình thức Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 100% |
| 256 | 257/NQ-HĐQT | 01/12/2023 | Họp Hội đồng quản trị quý 3 năm 2023, nhiệm vụ quý 4 năm 2023 | 100% |
| 257 | 258/NQ-HĐQT | 04/12/2023 | Về việc thông qua dự toán SCTX-2023-14-Cung cấp Dầu Mazut FO 3,5%S phục vụ sản xuất điện quý IV năm 2023 và quý I năm 2024 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 258 | 259/NQ-HĐQT | 04/12/2023 | Về việc thông qua dự toán: SCTX - 2023 - 152 Cung cấp rơ le BU bảo vệ so lệch thanh cái, Aptomat phục vụ sửa chữa thường xuyên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 259 | 260/NQ-HĐQT | 06/12/2023 | Về việc nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 100% |
| 260 | 261/NQ-HĐQT | 08/12/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ sản xuất kinh doanh | 100% |
| 261 | 262/NQ-HĐQT | 11/12/2023 | Về việc thông qua dự thảo E-HSMT “Đại tu hệ thống lọc bụi tĩnh điện lò hơi khối 1- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” | 100% |
| 262 | 263/NQ-HĐQT | 11/12/2023 | Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2023 bằng tiền mặt | 100% |
| 263 | 264/NQ-HĐQT | 11/12/2023 | NQ so Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu: Cung cấp dịch vụ, hàng hóa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|---|------|
| 264 | 265/NQ-HĐQT | 11/12/2023 | Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: Hệ thống khử khoáng nhánh A-Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 265 | 266/NQ-HĐQT | 14/12/2023 | Về việc thông qua hiệu chỉnh định mức than tồn kho | 100% |
| 266 | 267/NQ-HĐQT | 14/12/2023 | NQ so Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 267 | 268/NQ-HĐQT | 15/12/2023 | Về việc thông qua kết quả đánh giá E-HSĐXKT gói thầu: “ĐTPT-2021-04 Thay mới hệ thống bảo vệ máy phát - máy biến áp khối 1,2,4 và tự dừng dự phòng TD10 bằng loại rơ le kỹ thuật số - Nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2021” | 100% |
| 268 | 269/NQ-HĐQT | 15/12/2023 | Về việc thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: ĐTPT 2023-02 Mua xe ô tô chữa cháy Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 269 | 270/NQ-HĐQT | 19/12/2023 | Về việc thông qua nội dung quy chế; Dự thảo phiếu lấy ý kiến; Dự thảo biên bản; Dự thảo Nghị quyết; Thông báo lấy ý kiến của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 270 | 270/NQ-HĐQT | 19/12/2023 | Về việc thông qua nội dung quy chế; Dự thảo phiếu lấy ý kiến; Dự thảo biên bản; Dự thảo Nghị quyết; Thông báo lấy ý kiến của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 271 | 271/NQ-HĐQT | 20/12/2023 | Về việc kế hoạch lao động tiền lương sản xuất kinh doanh điện của người lao động năm 2023 | 100% |
| 272 | 272/NQ-HĐQT | 25/12/2023 | NQ so Về việc thành lập Ban kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 273 | 273/NQ-HĐQT | 25/12/2023 | Về việc thông qua dự thảo E.Hồ sơ mời thầu gói thầu: SCTX-2023-81 Cung cấp bi máy nghiền phục vụ sản xuất điện năm 2023 và Quý I năm 2024 | 100% |
| 274 | 274/NQ-HĐQT | 25/12/2023 | NQ so Về việc thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 10 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 275 | 275/NQ-HĐQT | 25/12/2023 | NQ so Về việc thông qua miễn nhiệm chức vụ cán bộ | 100% |
| 276 | 276/NQ-HĐQT | 26/12/2023 | Về việc thông qua điều động, bổ nhiệm cán bộ và sáp nhập Văn phòng, Bảo vệ Cứu hỏa và phòng Tổ chức - Lao động thành phòng Hành chính - Lao động | 100% |
| 277 | 277/NQ-HĐQT | 29/12/2023 | Về việc thông qua sáp nhập 03 đơn vị và điều động, bổ nhiệm cán bộ | 100% |
| 278 | 278/NQ-HĐQT | 29/12/2023 | NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI (Nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) | |

| | | | | |
|-----|-------------|------------|---|---------------------------------------|
| 279 | 279/NQ-HĐQT | 29/12/2023 | NQ số Về việc thông qua ý kiến biểu quyết tại phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa | 100% |
| 280 | 280/NQ-HĐQT | 29/12/2023 | Về việc dự thảo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 19 Hợp đồng mua bán điện nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1 và 2 | 60% tán thành; 40% không có ý kiến |
| 281 | 281/NQ-HĐQT | 30/12/2023 | Về việc phê duyệt dự thảo phụ lục hợp đồng số 08, số 11 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 100% |
| 282 | 282/NQ-HĐQT | 30/12/2023 | về việc dự thảo phụ lục hợp đồng số 04; số 06; số 07; số 09; số 10 Hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa Tổng Công ty Đông Bắc và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 100% |
| 283 | 283/NQ-HĐQT | 30/12/2023 | Về việc thông qua gia hạn hợp đồng số 6101/2022/HĐ-PPC-BMI-PVI-BIC-MIC-XTI-BSH-VNI ngày 30/12/2022 Về việc Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc ” | 100% |

Ngoài các Nghị quyết/Quyết định trên, trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ra 295 Quyết định về việc phê duyệt các dự thảo Hồ sơ mời thầu; Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt các phụ lục hợp đồng, Dự thảo hợp đồng liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyết định đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao biểu quyết tán thành.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của Công ty, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và độc lập: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 02 thành viên HĐQT độc lập không điều hành là Ông Nguyễn Quang Quyền và Ông Lê Tuấn Hải là người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý và điều hành các Công ty cổ phần, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT này đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Ban Kiểm toán nội bộ tham gia hỗ trợ HĐQT trong việc kiểm tra, giám sát tính tuân thủ trong hoạt động của ban điều hành Công ty.

f) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khoá học về Quản trị Doanh Nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Cơ cấu và thành viên của Ban Kiểm soát: gồm 3 thành viên:

| Số T T | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BSK | Trình độ chuyên môn |
|--------|-------------------|---------|---|--|
| 1 | Quách Vĩnh Bình | TV BKS | Ngày bắt đầu là thành viên BKS 23/4/2021 | Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính - Tín dụng |
| 2 | Ngô Nguyên Đồng | TB BKS | Ngày bắt đầu là TV BKS ngày 23/04/2021; Ngày bắt đầu là TBKS: 01/10/2021; Ngày thôi trưởng ban KS ngày 01/12/2023. Chức vụ hiện tại: TV BKS | Thạc sỹ năng lượng chuyên ngành Điện xanh và năng lượng tái tạo. |
| 3 | Lương Trường Luân | TV BKS | Ngày bắt đầu là thành viên BKS 23/6/2022; Ngày bắt đầu là TBKS: 01/12/2023 | Thạc sỹ quản lý kinh tế. |

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, ban điều hành Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị .

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác: tham gia xây dựng các quy chế quản lý nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2023:

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị | 1.093.863.900 | 856.288.560 |
| Ông Nguyễn Xuân Diện | 424.254.000 | 288.276.080 |

| | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ông Mai Quốc Long | 300.981.000 | - |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | 74.388.000 | 110.400.000 |
| Ông Lê Tuấn Hải | 74.388.000 | 110.400.000 |
| Ông Vũ Xuân Dũng | 219.852.900 | - |
| Ông Nguyễn Văn Thủy | - | 347.212.480 |
| Thu nhập của Ban Giám đốc, (Quyền) Kế toán trưởng | 1.420.523.200 | 1.899.932.440 |
| Ông Nguyễn Hoàng Hải | 332.135.000 | 336.747.000 |
| Thành viên khác Ban Giám đốc | 750.632.000 | 1.005.442.540 |
| Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh - Quyền Kế toán trưởng | 337.756.200 | 162.758.900 |
| Ông Lê Thế Sơn - Kế toán trưởng | - | 394.984.000 |
| Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát | 589.207.000 | 231.475.300 |
| Trưởng Ban Kiểm soát | 440.431.000 | 171.475.300 |
| Thành viên khác | 148.776.000 | 60.000.000 |

b) Giao dịch Cổ phiếu của người nội bộ :

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|-----------------------------|-------------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|--------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Công ty TNHH Năng lượng REE | Nguyễn Quang Quyền – TV. HĐQT | 77.396.260 | 24,14% | 76.095.260 | 23,73% | Bán (ngày báo cáo kết quả giao dịch: 9/6/2023) |
| 2 | Công ty TNHH Năng lượng REE | Nguyễn Quang Quyền – TV. HĐQT | 76.095.260 | 23,73% | 75.985.260 | 23,7% | Bán (ngày báo cáo kết quả giao dịch: 13/7/2023) |
| 3 | Công ty TNHH Năng lượng REE | Nguyễn Quang Quyền – TV. HĐQT | 75.985.260 | 23,7% | 75.417.160 | 23,52% | Bán (ngày báo cáo kết quả giao dịch: 17/8/2023) |
| 4 | Công ty TNHH Năng lượng REE | Nguyễn Quang Quyền – TV. HĐQT | 75.985.260 | 23,7% | 75.417.160 | 23,52% | Bán (ngày báo cáo kết quả giao dịch: 25/9/2023) |
| 5 | Công ty TNHH Năng lượng REE | Nguyễn Quang Quyền – TV. HĐQT | 75.985.260 | 23,7% | 75.417.160 | 23,52% | Bán (ngày báo cáo kết quả giao dịch: 30/10/2023) |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (Đvt: đồng):

| | Năm 2023 | Năm 2022 (Trình bày lại) |
|--|--------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Bán điện | | |
| Công ty Mua bán điện | 5.794.769.764.026 | 5.251.724.371.266 |
| | 5.794.769.764.026 | 5.251.724.371.266 |
| Mua hàng | | |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 42.438.249.467 | 40.899.139.635 |
| Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc | 305.769.147 | 2.064.557.823 |
| | 42.744.018.614 | 42.963.697.458 |
| Thu nhập lãi cho vay | | |
| Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần | 8.716.307.425 | 10.284.939.605 |
| | 8.716.307.425 | 10.284.939.605 |
| Cổ tức được chia | | |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | 179.842.250.000 | 103.880.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh | 220.761.873.000 | 117.739.665.600 |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | 18.408.000.000 | 25.488.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn | 9.830.281.749 | 7.561.861.310 |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa | 1.125.600.000 | 1.005.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam | 14.705.154.100 | 11.311.657.000 |
| | 444.673.158.849 | 266.986.183.910 |
| Chia cổ tức | | |
| Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần | 45.759.498.132 | 74.876.353.200 |
| | 45.759.498.132 | 74.876.353.200 |
| Thu hồi khoản cho vay | | |
| Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần | 188.166.866.953 | - |
| | 188.166.866.953 | - |

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn nỗ lực tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến Quản trị Công ty và công bố thông tin, bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp 2020,
- Luật Chứng khoán 2019,
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đồng thời thực hiện công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho cổ đông, cơ quan quản lý và các bên liên quan dựa trên cơ sở minh bạch, chính xác và kịp thời.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã nhận quyết định đình chỉ hoạt động trong vòng 12 tháng để sửa chữa nhà máy và khắc phục các hoạt động gây ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thực hiện các biện pháp khắc phục và tiếp tục hoạt động sản xuất theo kế hoạch huy động nguồn điện cho năm 2024. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khắc phục vi phạm môi trường. Những điều kiện này cùng với các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố khoản doanh thu hoãn hoàn chưa ghi nhận trong năm 2022. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố được trình bày tại Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại (*file đính kèm*) được lập đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Genco2, HĐQT, BKS (thay B/c);
- Phòng KT (CBTT trên trang Web);
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 8 - 9 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 34 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|--|
| Ông Mai Quốc Long | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023) |
| Ông Nguyễn Xuân Diệm | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023) |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Thành viên |
| Ông Lê Tuấn Hải | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hoàng Hải | Thành viên |
| Ông Vũ Xuân Dũng | Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023) |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|---|
| Ông Nguyễn Hoàng Hải | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023) |
| | Quyền Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2023) |
| Ông Đặng Kiên Quyết | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Xuân Dũng | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2023) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Km 28, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.


Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính .

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,




Nguyễn Hoàng Hải
Thành viên Hội đồng Quản trị/
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024



Số: 0299 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

104
VG
VHT
ITC
ITJ
'N

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã nhận quyết định đình chỉ hoạt động trong vòng 12 tháng để sửa chữa nhà máy và khắc phục các hoạt động gây ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thực hiện các biện pháp khắc phục và tiếp tục hoạt động sản xuất theo kế hoạch huy động nguồn điện cho năm 2024. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khắc phục vi phạm môi trường. Những điều kiện này cùng với các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố khoản doanh thu thoái hoàn chưa ghi nhận trong năm 2022. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố được trình bày tại Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 17 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan tới việc Công ty chưa ghi nhận phần doanh thu thoái hoàn điện năng do sai số thiết bị đo đếm diễn ra từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 3 năm 2022 và việc chưa ghi nhận này là chưa phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2023-001-1



Nguyễn Tiến Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

13/03/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại) |
|--|------------|-------------|--------------------------|-------------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.929.235.432.033 | 2.733.701.578.913 |
| I. Tiền | 110 | 4 | 23.485.928.018 | 60.340.860.070 |
| 1. Tiền | 111 | | 23.485.928.018 | 60.340.860.070 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 100.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 100.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.978.018.472.289 | 2.027.343.592.383 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 1.865.525.132.235 | 1.826.693.015.238 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 871.011.437 | 15.003.728.977 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 7 | - | 188.166.866.953 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 114.643.633.137 | 501.285.735 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (3.021.304.520) | (3.021.304.520) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 709.143.601.882 | 496.386.074.503 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 778.129.235.840 | 571.413.642.382 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (68.985.633.958) | (75.027.567.879) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 118.587.429.844 | 59.631.051.957 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 34.422.500 | 313.508.015 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 83.659.169.535 | 29.668.782.653 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 17 | 34.893.837.809 | 29.648.761.289 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.848.682.496.961 | 2.891.831.275.904 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 273.075.923.595 | 322.964.386.230 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 272.091.055.629 | 321.258.218.884 |
| - Nguyên giá | 222 | | 13.610.174.993.192 | 13.598.474.100.423 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (13.338.083.937.563) | (13.277.215.881.539) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 984.867.966 | 1.706.167.346 |
| - Nguyên giá | 228 | | 60.334.919.230 | 60.265.954.230 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (59.350.051.264) | (58.559.786.884) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 25.579.843.626 | 27.464.934.308 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 13 | 25.579.843.626 | 27.464.934.308 |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 15 | 2.500.053.887.550 | 2.498.780.887.550 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 1.451.055.770.150 | 1.451.055.770.150 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 1.084.843.117.400 | 1.084.843.117.400 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (35.845.000.000) | (37.118.000.000) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 49.972.842.190 | 42.621.067.816 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 40.710.120.013 | 29.042.306.431 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 160.410.647 | 2.447.077.545 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | 10 | 9.102.311.530 | 11.131.683.840 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 5.777.917.928.994 | 5.625.532.854.817 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số đầu năm (Trình bày lại) | |
|---|------------|-------------|----------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 767.100.345.273 | 609.077.900.582 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 767.100.345.273 | 609.077.900.582 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 555.443.434.552 | 478.187.277.650 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 350.501.682 | 255.607.410 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 17 | 9.631.737.318 | 5.972.679.454 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 81.006.745.889 | 93.259.417.689 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 4.115.162.142 | 5.088.857.610 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 94.575.127.237 | 6.148.435.215 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 19 | 21.977.636.453 | 20.165.625.554 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 5.010.817.583.721 | 5.016.454.954.235 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 5.010.817.583.721 | 5.016.454.954.235 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 3.262.350.000.000 | 3.262.350.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 3.262.350.000.000 | 3.262.350.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 11.692.500.615 | 11.692.500.615 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 298.170.049.781 | 295.618.140.373 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (87.388.368.719) | (87.388.368.719) |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 619.581.459.281 | 1.155.788.637.402 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 906.411.942.763 | 378.394.044.564 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 614.478.255.452 | (93.056.724.764) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 291.933.687.311 | 471.450.769.328 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 5.777.917.928.994 | 5.625.532.854.817 |

Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Quản lý Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm trước (Trình bày lại) | |
|---|-------|-------------|------------------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | |
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | 23 | 5.813.760.220.061 | 5.265.601.632.028 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01) | 10 | | 5.813.760.220.061 | 5.265.601.632.028 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 5.777.306.693.477 | 4.892.916.201.756 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11) | 20 | | 36.453.526.584 | 372.685.430.272 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 464.407.804.783 | 295.252.599.448 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | | (825.719.205) | 2.622.681.836 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 419.922.537 | - |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27 | 116.842.404.736 | 119.483.288.880 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26) | 30 | | 384.844.645.836 | 545.832.059.004 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | | 2.117.170.506 | 1.376.039.787 |
| 10. Chi phí khác | 32 | | 4.572.872.283 | 765.107.743 |
| 11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (2.455.701.777) | 610.932.044 |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 382.388.944.059 | 546.442.991.048 |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 28 | - | - |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 28 | 2.286.666.898 | 58.992.221.720 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 380.102.277.161 | 487.450.769.328 |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 29 | 1.186 | 1.342 |

Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

11/07/2024
KẾ
TOÁN
VI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|--|-------|-------------------|------------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 382.388.944.059 | 546.442.991.048 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 61.056.658.556 | 61.537.659.772 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (18.280.772.058) | (11.824.543.244) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (464.407.804.783) | (295.252.599.448) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 419.922.537 | - |
| 3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (38.823.051.689) | 300.903.508.128 |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | (90.652.566.669) | (1.395.008.049.565) |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | (193.720.383.011) | 19.458.608.892 |
| Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 76.228.912.581 | 39.861.718.540 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | (11.388.728.067) | 4.100.029.904 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (419.922.537) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (5.245.076.520) | - |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 46.820.000 | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (39.086.938.221) | (46.872.606.540) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (303.060.934.133) | (1.077.556.790.641) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (12.169.057.635) | (75.113.868.613) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (250.000.000.000) | (90.000.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 428.166.866.953 | 615.000.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 356.983.161.191 | 305.679.599.448 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 522.980.970.509 | 755.565.730.835 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (256.774.968.428) | (144.214.397.613) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | (256.774.968.428) | (144.214.397.613) |
| | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | (36.854.932.052) | (466.205.457.419) |
| | | | |
| Tiền đầu năm | 60 | 60.340.860.070 | 526.546.317.489 |
| | | | |
| Tiền cuối năm (70=50+60) | 70 | <u>23.485.928.018</u> | <u>60.340.860.070</u> |



Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26 tháng 01 năm 2006, sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023.

Ngày 26 tháng 01 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 01 năm 2007, với mã chứng khoán là PPC.

Chủ sở hữu của Công ty là Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO2).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 736 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 751 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình điện
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ- nhiệt điện
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác.

Một số số liệu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 33.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1 công ty liên kết) là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002, sửa đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 7 năm 2021. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của công ty đặt tại thôn Đoàn, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường - Bộ Công an đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và đình chỉ hoạt động Công ty trong vòng 12 tháng để sửa chữa nhà máy và khắc phục các hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Thời điểm bắt đầu đình chỉ hoạt động Công ty trong thời hạn 12 tháng là từ ngày Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") giao nhiệm vụ, đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác cung ứng điện thay thế nguồn điện huy động Công ty. Hiện nay, Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục vi phạm về môi trường. Báo cáo tài chính được lập trên nguyên tắc hoạt động liên tục dựa trên các cơ sở như sau:

- Công ty đã được Bộ Công thương phê duyệt kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024 theo Quyết định số 3110/QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2023. Theo hợp đồng mua bán điện, Công ty đã có thỏa thuận bán điện đến năm 2031 đã ký với EVN.
- Công ty đang thực hiện công tác đại tu, sửa chữa các tổ máy để khắc phục các vấn đề gây ô nhiễm môi trường và đã có kế hoạch về phương án đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý khí thải đáp ứng tiêu chuẩn theo qui định tại Việt Nam và đảm bảo điều kiện tiếp tục hoạt động trong các năm tới, bao gồm:
 - Đối với các tổ máy của Dây chuyền 1, Công ty đã triển khai thực hiện đại tu các hệ thống lọc bụi của 7 lò hơi của dây chuyền 1 và dự kiến hoàn thành trong năm 2024, khắc phục một phần vi phạm về bụi khí thải.
 - Đối với các tổ máy của Dây chuyền 2, Công ty đang triển khai kế hoạch sửa chữa đại tu hệ thống khử lưu huỳnh oxit (SOx) trong năm 2024 và kế hoạch hoàn thành việc sửa chữa hệ thống khử khí ni tơ oxit (NOx) trong năm 2025.
 - Công ty cũng đã đề xuất các cơ quan thẩm quyền bổ sung dự án chuyển đổi sử dụng nhiên liệu than sang đốt kèm sinh khối, NH3 cho Dây chuyền 1 và Dây chuyền 2 vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

Tại ngày báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt các phương án đầu tư mới và cải tạo nâng cấp nhà máy để khắc phục hoàn toàn các vấn đề về môi trường. Việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục phụ thuộc vào sự phê duyệt các phương án này. Ban lãnh đạo

Công ty đánh giá và tin tưởng Công ty có đủ nguồn lực để thực hiện theo các phương án đã đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính :

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công ty liên kết

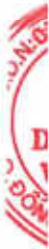
Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kì. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với khối sản xuất kinh doanh) và phương pháp thực tế đích danh (đối với khối xây dựng cơ bản).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

| | <u>Năm nay</u> (Số năm) |
|------------------------|----------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 - 35 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 36 |
| Phương tiện vận tải | 10 - 17 |
| Thiết bị văn phòng | 03 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 03 - 10 |

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu bao gồm giá trị phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị phần mềm được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn theo thực tế phát sinh. Chi phí sửa chữa lớn này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí sửa chữa lớn của các công trình sửa chữa chưa hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối năm được theo dõi trên tài khoản Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn, giá trị các công cụ, dụng cụ, vật tư và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư thiết bị đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện), có xác nhận của khách hàng và giá bán điện đã được thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan tới khoản lỗ phát sinh trong năm do không chắc chắn về lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.412.264.198 | 80.316.008 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 22.073.663.820 | 60.260.544.062 |
| | 23.485.928.018 | 60.340.860.070 |

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương II với lãi suất 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4,5% - 6,1%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | (Trình bày lại) VND |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 1.862.937.205.202 | 1.819.784.462.129 |
| Khác | 2.587.927.033 | 6.908.553.109 |
| | 1.865.525.132.235 | 1.826.693.015.238 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30) | 1.862.937.205.202 | 1.819.784.462.129 |

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------|--------------------|------------------------|
| Khoản cho vay ngắn hạn | - | 188.166.866.953 |
| | - | 188.166.866.953 |

Trong năm, Công ty có các khoản cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần vay ngắn hạn với số tiền là 188.166.866.953 VND. Các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo và được hưởng lãi suất 6,5% - 6,7%/năm. Khoản cho vay đã được hoàn trả toàn bộ vào ngày đáo hạn (ngày 22 tháng 9 năm 2023).

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|------------------------|--------------------|
| Cổ tức được chia | 107.452.068.250 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 2.447.553.000 | 180.966.000 |
| Khác | 4.744.011.887 | 320.319.735 |
| | 114.643.633.137 | 501.285.735 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30) | 107.452.068.250 | - |

9. NỢ XẤU

| | Số cuối năm VND | | | Số đầu năm VND | | |
|---|----------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn |
| Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt | 3.021.304.520 | - | Trên 3 năm | 3.021.304.520 | - | Trên 3 năm |
| | 3.021.304.520 | - | | 3.021.304.520 | - | |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | 3.021.304.520 | | | 3.021.304.520 | |

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

a. Ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | VND Dự phòng | Giá gốc | VND Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 776.104.612.968 | (67.362.746.120) | 569.304.330.548 | (73.652.523.293) |
| Công cụ, dụng cụ | 2.004.268.118 | (1.622.887.838) | 2.090.709.980 | (1.375.044.586) |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 20.354.754 | - | 18.601.854 | - |
| | 778.129.235.840 | (68.985.633.958) | 571.413.642.382 | (75.027.567.879) |

b. Dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | VND Dự phòng | Giá gốc | VND Dự phòng |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 157.641.735.402 | (148.539.423.872) | 170.636.945.849 | (159.505.262.009) |
| | 157.641.735.402 | (148.539.423.872) | 170.636.945.849 | (159.505.262.009) |

Trong năm, Công ty không trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho (năm trước: 640.669.153 VND) và đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 17.007.772.058 VND (năm trước: 15.011.212.397 VND). Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập cho các mặt hàng đã được trích lập dự phòng từ các năm trước, năm nay được xuất vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc, thiết bị | | Phương tiện vận tải | | Thiết bị văn phòng | | Khác | | Tổng VND |
|-------------------------------|---------------------------|--------------------|----------------------|----------------|---------------------|--------------------|--------------------|-----|------|--|-------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | | |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.708.812.563.537 | 11.698.651.846.939 | 113.022.972.921 | 71.863.506.751 | 6.123.210.275 | 13.598.474.100.423 | | | | | |
| Tăng trong năm | - | 8.752.422.142 | - | 1.489.248.882 | 1.459.221.745 | 11.700.892.769 | | | | | |
| Số dư cuối năm | 1.708.812.563.537 | 11.707.404.269.081 | 113.022.972.921 | 73.352.755.633 | 7.582.432.020 | 13.610.174.993.192 | | | | | |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.554.596.296.970 | 11.573.015.939.707 | 82.147.309.898 | 63.043.176.897 | 4.413.158.067 | 13.277.215.881.539 | | | | | |
| Khấu hao trong năm | 21.899.658.076 | 28.562.885.309 | 4.422.439.139 | 4.843.594.953 | 1.139.478.547 | 60.868.056.024 | | | | | |
| Số dư cuối năm | 1.576.495.955.046 | 11.601.578.825.016 | 86.569.749.037 | 67.886.771.850 | 5.552.636.614 | 13.338.083.937.563 | | | | | |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 154.216.266.567 | 125.635.907.232 | 30.875.663.023 | 8.820.329.854 | 1.710.052.208 | 321.258.218.884 | | | | | |
| Tại ngày cuối năm | 132.316.608.491 | 105.825.444.065 | 26.453.223.884 | 5.465.983.783 | 2.029.795.406 | 272.091.055.629 | | | | | |

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 12.731.334.148.940 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.704.703.215.495 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng |
|-------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu năm | 57.414.901.632 | 2.851.052.598 | 60.265.954.230 |
| Tăng trong năm | - | 68.965.000 | 68.965.000 |
| Số dư cuối năm | 57.414.901.632 | 2.920.017.598 | 60.334.919.230 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu năm | 57.414.901.632 | 1.144.885.252 | 58.559.786.884 |
| Khấu hao trong năm | - | 790.264.380 | 790.264.380 |
| Số dư cuối năm | 57.414.901.632 | 1.935.149.632 | 59.350.051.264 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày đầu năm | - | 1.706.167.346 | 1.706.167.346 |
| Tại ngày cuối năm | - | 984.867.966 | 984.867.966 |

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 58.210.431.632 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 57.573.181.632 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1 | 9.381.043.359 | 9.381.043.359 |
| Chi phí quản lý dự án | 5.550.278.491 | 5.550.278.491 |
| Hệ thống khử khí NOx, SOx dây chuyền 2 | 3.893.580.616 | 3.893.580.616 |
| Các công trình khác | 6.754.941.160 | 8.640.031.842 |
| | 25.579.843.626 | 27.464.934.308 |

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Dài hạn | | |
| Vật tư thiết bị dài hạn xuất dùng | 33.904.424.752 | 18.687.010.937 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 5.065.843.905 | 8.023.330.938 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.533.640.687 | 1.729.398.986 |
| Khác | 206.210.669 | 602.565.570 |
| | 40.710.120.013 | 29.042.306.431 |

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | | |
|---|--------------------------|----------|--------------------------|--------------------------|----------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá trị hợp lý | |
| a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i) | 1.451.055.770.150 | - | 1.817.900.000.000 | 1.451.055.770.150 | - | 1.688.050.000.000 |
| | 1.451.055.770.150 | - | 1.817.900.000.000 | 1.451.055.770.150 | - | 1.688.050.000.000 |

(i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động kinh doanh có lãi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

b. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác
 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
 Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
 Công ty Cổ phần EVN Quốc tế
 Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | | |
|--|--------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá trị hợp lý | |
| | 817.295.117.400 | - | 1.089.091.906.800 | 817.295.117.400 | - | 956.634.783.000 |
| | 100.000.000.000 | - | 266.955.105.200 | 100.000.000.000 | - | 254.512.282.500 |
| | 70.800.000.000 | - | 175.584.000.000 | 70.800.000.000 | - | 141.600.000.000 |
| | 50.250.000.000 | - | 126.614.925.000 | 50.250.000.000 | - | 172.046.105.000 |
| | 46.498.000.000 | (35.845.000.000) | 10.653.000.000 | 46.498.000.000 | (37.118.000.000) | 9.380.000.000 |
| | 1.084.843.117.400 | (35.845.000.000) | 1.668.898.937.000 | 1.084.843.117.400 | (37.118.000.000) | 1.534.173.170.500 |

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 30.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT PHẢ LẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| | Giá trị/ | Giá trị/ |
| | Số có khả năng trả nợ | Số có khả năng trả nợ |
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 267.463.239.174 | 321.585.505.848 |
| Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 Phả Lại | 65.091.219.104 | 27.406.357.610 |
| Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc Phòng | 56.692.941.703 | 45.866.002.874 |
| Viện Nghiên cứu Cơ khí | 49.914.696.495 | 6.254.488.875 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc | 43.249.296.705 | 20.909.646.235 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất | 17.543.567.684 | 4.369.144.859 |
| Khác | 55.488.473.687 | 51.796.131.349 |
| | 555.443.434.552 | 478.187.277.650 |

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã thực nộp/ khấu trừ trong | Số cuối năm |
|---|-------------------------|------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | (Trình bày lại) | trong năm | năm | VND |
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng phải nộp | - | 504.122.264.901 | 504.122.264.901 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (i) | (29.648.761.289) | - | 5.245.076.520 | (34.893.837.809) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 925.942.729 | 12.115.855.081 | 9.914.362.787 | 3.127.435.023 |
| Thuế tài nguyên | 5.046.736.725 | 68.828.458.455 | 67.370.892.885 | 6.504.302.295 |
| Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước | - | 16.666.663.000 | 16.666.663.000 | - |
| Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | - | 10.437.396.992 | 10.437.396.992 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 4.458.987.379 | 4.458.987.379 | - |
| | (23.676.081.835) | 616.629.625.808 | 618.215.644.464 | (25.262.100.491) |
| Trong đó: | | | | |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 29.648.761.289 | | | 34.893.837.809 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 5.972.679.454 | | | 9.631.737.318 |

- (i) Số dư phải thu thuế thu nhập doanh nghiệp đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố liên quan tới doanh thu thoái hoàn các năm trước (Thuyết minh số 33).

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức chưa chi trả | 92.859.201.263 | 4.975.136.641 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.715.925.974 | 1.173.298.574 |
| | <u>94.575.127.237</u> | <u>6.148.435.215</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30) | 45.757.771.400 | - |
| | <u>45.757.771.400</u> | <u>-</u> |

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 20.165.625.554 | 25.584.994.649 |
| Tăng trong năm | 41.500.610.968 | 42.055.529.410 |
| Giảm trong năm | (39.688.600.069) | (47.474.898.505) |
| Sử dụng trong năm | (39.086.938.221) | (46.872.606.540) |
| Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm | (601.661.848) | (602.291.965) |
| Số dư cuối năm | <u>21.977.636.453</u> | <u>20.165.625.554</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÁ LẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) VND | Tổng cộng VND |
|---|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---|--------------------------|
| <i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.262.350.000.000 | 11.692.500.615 | 250.236.622.078 | (87.388.368.719) | 1.201.170.155.697 | 77.274.678.946 | 4.715.335.588.617 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 487.450.769.328 | 487.450.769.328 |
| Sử dụng các quỹ | - | - | 45.381.518.295 | - | (45.381.518.295) | - | - |
| Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - | (42.055.529.410) | (42.055.529.410) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | (144.275.874.300) | (144.275.874.300) |
| Số dư cuối năm | 3.262.350.000.000 | 11.692.500.615 | 295.618.140.373 | (87.388.368.719) | 1.155.788.637.402 | 378.394.044.564 | 5.016.454.954.235 |
| <i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.262.350.000.000 | 11.692.500.615 | 295.618.140.373 | (87.388.368.719) | 1.155.788.637.402 | 378.394.044.564 | 5.016.454.954.235 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 380.102.277.161 | 380.102.277.161 |
| Trích Quỹ đầu tư, phát triển (i) | - | - | - | - | 67.494.207.537 | (67.494.207.537) | - |
| Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i) | - | - | - | - | - | (41.080.614.625) | (41.080.614.625) |
| Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (iv) | - | - | - | - | (601.149.476.250) | 601.149.476.250 | - |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022 (ii) | - | - | - | - | - | (256.490.443.200) | (256.490.443.200) |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 (iii) | - | - | - | - | - | (88.168.589.850) | (88.168.589.850) |
| Tài sản hình thành từ các quỹ | - | - | 2.551.909.408 | - | (2.551.909.408) | - | - |
| Số dư cuối năm | 3.262.350.000.000 | 11.692.500.615 | 298.170.049.781 | (87.388.368.719) | 619.581.459.281 | 906.411.942.763 | 5.010.817.583.721 |

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24 tháng 5 năm 2023 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 với số tiền lần lượt là 57.080.614.625 VND và 67.494.207.537 VND. Đại hội đồng cổ đông này cũng thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2022 là 8% và dự kiến mức cổ tức năm 2023 là 5%.

- (i) Năm 2022, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm số tiền 16.000.000.000 VND. Trong năm 2023, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền còn lại đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- (ii) Ngày 25 tháng 9 năm 2023, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 207/NQ-HĐQT thực hiện chi trả cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền mặt tương ứng tỷ lệ chi trả cổ tức 4%. Thời gian đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức là ngày 18 tháng 10 năm 2023. Công ty đã chi trả cổ tức được chia với số tiền là 256.490.443.200 VND trong năm 2023.
- (iii) Ngày 11 tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 263/NQ-HĐQT thực hiện tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2023 bằng tiền mặt, tỷ lệ chi trả cổ tức 2,75%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền là ngày 27 tháng 12 năm 2023. Cổ tức được thanh toán ngày 04 tháng 3 năm 2024 (Thuyết minh số 34).
- (iv) Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết số 278/NQ-HĐQT thông qua phương án hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh số 34).

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| | Vốn đã góp | | | | | |
|--|--------------------------|--------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|-------------|
| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
| | Số lượng cổ phiếu | VND | % | Số lượng cổ phiếu | VND | % |
| Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần | 166.391.896 | 1.663.918.960.000 | 51,90% | 166.391.896 | 1.663.918.960.000 | 51,90% |
| Công ty TNHH Năng lượng REE | 77.396.260 | 773.962.600.000 | 24,14% | 77.396.260 | 773.962.600.000 | 24,14% |
| Các cổ đông khác | 76.824.898 | 768.248.980.000 | 23,96% | 76.824.898 | 768.248.980.000 | 23,96% |
| | 320.613.054 | 3.206.130.540.000 | 100% | 320.613.054 | 3.206.130.540.000 | 100% |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Số cổ phiếu được duyệt và đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 326.235.000 | 3.262.350.000.000 | 326.235.000 | 3.262.350.000.000 |
| Số cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 5.621.946 | 87.388.368.719 | 5.621.946 | 87.388.368.719 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 320.613.054 | 3.206.130.540.000 | 320.613.054 | 3.206.130.540.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu từ Công ty TNHH Bê Tông Asean Hà Nội | 150.190.114 | 150.190.114 |
| | <u>150.190.114</u> | <u>150.190.114</u> |

Tài sản thuê ngoài

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng 1 năm | 24.380.051.060 | 24.380.051.060 |
| Từ hai đến năm năm | 97.520.204.240 | 97.520.204.240 |
| Sau năm năm | 674.514.745.993 | 698.894.797.053 |
| | <u>796.415.001.293</u> | <u>820.795.052.353</u> |

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

| | Hoạt động kinh doanh điện | | Hoạt động đầu tư | | Tổng | |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------------------------------|--------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------------|
| | Năm nay VND | Năm trước (Trình bày lại) VND | Năm nay VND | Năm trước VND | Năm nay VND | Năm trước (Trình bày lại) VND |
| Tổng doanh thu của bộ phận | 5.813.760.220.061 | 4.970.349.032.580 | 464.407.804.783 | 295.252.599.448 | 6.278.168.024.844 | 5.265.601.632.028 |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận | (80.836.158.947) | 253.125.459.556 | 465.680.804.783 | 292.706.599.448 | 384.844.645.836 | 545.832.059.004 |
| Thu nhập khác | | | | | 2.117.170.506 | 1.376.039.787 |
| Chi phí khác | | | | | 4.572.872.283 | 765.107.743 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 2.286.666.898 | 58.992.221.720 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | | 380.102.277.161 | 487.450.769.328 |
| | | | | | | |
| | Hoạt động kinh doanh điện | | Hoạt động đầu tư | | Tổng | |
| | Số cuối năm VND | Số đầu năm (Trình bày lại) VND | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND | Số cuối năm VND | Số đầu năm (Trình bày lại) VND |
| Tổng tài sản | 3.177.864.041.444 | 2.848.585.100.314 | 2.600.053.887.550 | 2.776.947.754.503 | 5.777.917.928.994 | 5.625.532.854.817 |
| Tổng nợ phải trả | 674.241.144.010 | 604.102.763.941 | 92.859.201.263 | 4.975.136.641 | 767.100.345.273 | 609.077.900.582 |
| | | | | | | |
| | Hoạt động kinh doanh điện | | Hoạt động đầu tư | | Tổng | |
| | Năm nay VND | Năm trước VND | Năm nay VND | Năm trước VND | Năm nay VND | Năm trước VND |
| Chi tiêu vốn | 12.169.057.635 | 75.113.868.613 | - | - | 12.169.057.635 | 75.113.868.613 |
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình | 60.868.056.024 | 30.214.657.494 | - | - | 60.868.056.024 | 30.214.657.494 |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình | 790.264.380 | 240.976.326 | - | - | 790.264.380 | 240.976.326 |

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động kinh doanh điện
- Hoạt động đầu tư

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận.

23. DOANH THU

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | (Trình bày lại) VND |
| Doanh thu bán điện | 5.795.976.518.762 | 5.251.724.371.266 |
| Doanh thu khác | 17.783.701.299 | 13.877.260.762 |
| | 5.813.760.220.061 | 5.265.601.632.028 |
| Trong đó: | 5.794.769.764.026 | 5.251.724.371.266 |
| Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30) | | |

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhiên liệu, phụ liệu | 4.902.152.241.102 | 4.261.210.366.301 |
| Chi phí nhân công | 210.718.655.397 | 226.847.981.321 |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ | 219.557.418.587 | 98.090.605.041 |
| Chi phí khắc phục sự cố máy móc | 137.157.981.058 | - |
| Chi phí sửa chữa, bảo trì thường xuyên TSCĐ | 101.942.144.819 | 95.406.692.566 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 85.495.121.455 | 79.527.429.706 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 57.056.078.855 | 57.463.007.662 |
| Chi phí điện mua ngoài | 42.438.249.467 | 40.899.139.635 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (17.007.772.058) | (14.370.543.244) |
| Khác | 37.796.574.795 | 47.841.522.768 |
| | 5.777.306.693.477 | 4.892.916.201.756 |

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 4.902.152.241.102 | 4.261.210.366.301 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 262.138.239.852 | 276.939.858.784 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 458.657.544.464 | 193.497.297.607 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 60.840.843.140 | 61.321.844.356 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 96.028.411.355 | 104.382.666.629 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (17.007.772.058) | (14.370.543.244) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 52.468.215.841 | 47.518.499.275 |
| Chi phí khác | 78.871.374.517 | 81.899.500.928 |
| | 5.894.149.098.213 | 5.012.399.490.636 |

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 19.734.645.934 | 28.266.415.538 |
| <i>Trong đó: Lãi từ khoản cho Công ty mẹ vay (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)</i> | <i>8.716.307.425</i> | <i>10.284.939.605</i> |
| Thu nhập từ cổ tức | 444.673.158.849 | 266.986.183.910 |
| | 464.407.804.783 | 295.252.599.448 |

Thu nhập từ cổ tức chủ yếu phản ánh các khoản cổ tức được chia từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các công ty khác - các bên liên quan (Thuyết minh số 30).

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 51.419.584.455 | 50.091.877.463 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 3.784.764.285 | 3.858.836.694 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 10.533.289.900 | 24.855.236.923 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.791.296.131 | 5.141.317.072 |
| Chi phí khác | 43.313.469.965 | 35.536.020.728 |
| | 116.842.404.736 | 119.483.288.880 |

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại) VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | |
| Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 1.189.362.113 | - |
| Điều chỉnh giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 1.097.304.785 | 1.944.631.390 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | 57.047.590.830 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.286.666.898 | 58.992.221.720 |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | (Trình bày lại) VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 382.388.944.059 | 546.442.991.048 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| <i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i> | <i>(444.673.158.849)</i> | <i>(266.986.183.910)</i> |
| <i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho</i> | <i>(4.474.774.825)</i> | <i>(7.468.567.883)</i> |
| <i>Trừ: Thu nhập phạt hợp đồng đã tính thuế các năm trước ghi nhận trên giá trị hàng tồn kho xuất trong năm 2023</i> | <i>(358.038.033)</i> | <i>(274.460.020)</i> |
| <i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i> | <i>18.030.040.803</i> | <i>23.123.547.358</i> |
| <i>Cộng: Thu nhập phạt hợp đồng ghi nhận trên giá trị hàng tồn kho</i> | <i>286.774.947</i> | <i>80.687.668</i> |
| <i>Chuyển lỗ</i> | <i>-</i> | <i>(294.918.014.261)</i> |
| Thu nhập chịu thuế năm hiện hành | (48.800.211.898) | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | - | - |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.



29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|--|-----------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 380.102.277.161 | 487.450.769.328 |
| Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | (57.080.614.625) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 380.102.277.161 | 430.370.154.703 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 320.613.054 | 320.613.054 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.186 | 1.342 |

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào các quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐQT của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24 tháng 5 năm 2023, cụ thể như sau:

| | Năm trước (Số liệu đã báo cáo) | Năm trước (Trình bày lại) |
|--|-----------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 497.202.717.339 | 487.450.769.328 |
| Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | (57.080.614.625) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 497.202.717.339 | 430.370.154.703 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 320.613.054 | 320.613.054 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.551 | 1.342 |


 CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|----------------------|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | Công ty mẹ tối cao |
| Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | Công ty liên kết |
| Công ty Mua bán điện | Đơn vị cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc | Đơn vị cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh | Đơn vị cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | Đơn vị cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn | Đơn vị cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa | Đơn vị cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam | Đơn vị cùng Tập đoàn |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm nay | Năm trước (Trình bày lại) |
|--|--------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Bán điện | | |
| Công ty Mua bán điện | 5.794.769.764.026 | 5.251.724.371.266 |
| | 5.794.769.764.026 | 5.251.724.371.266 |
| Mua hàng | | |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 42.438.249.467 | 40.899.139.635 |
| Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc | 305.769.147 | 2.064.557.823 |
| | 42.744.018.614 | 42.963.697.458 |
| Thu nhập lãi cho vay | | |
| Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần | 8.716.307.425 | 10.284.939.605 |
| | 8.716.307.425 | 10.284.939.605 |
| Cổ tức được chia | | |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | 179.842.250.000 | 103.880.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh | 220.761.873.000 | 117.739.665.600 |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế | 18.408.000.000 | 25.488.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn | 9.830.281.749 | 7.561.861.310 |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa | 1.125.600.000 | 1.005.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam | 14.705.154.100 | 11.311.657.000 |
| | 444.673.158.849 | 266.986.183.910 |
| Chia cổ tức | | |
| Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần | 45.759.498.132 | 74.876.353.200 |
| | 45.759.498.132 | 74.876.353.200 |
| Thu hồi khoản cho vay | | |
| Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần | 188.166.866.953 | - |
| | 188.166.866.953 | - |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm (Trình bày lại) VND |
|---|--------------------------|--------------------------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| Công ty Mua bán điện | 1.862.937.205.202 | 1.819.784.462.129 |
| | 1.862.937.205.202 | 1.819.784.462.129 |
| Phải thu ngắn hạn khác | | |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | 51.940.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh | 55.190.468.250 | - |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa | 321.600.000 | - |
| | 107.452.068.250 | - |
| Phải thu từ cho vay | | |
| Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần | - | 188.166.866.953 |
| | - | 188.166.866.953 |
| Phải trả ngắn hạn khác | | |
| Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần | 45.757.771.400 | - |
| | 45.757.771.400 | - |

Thu nhập của người quản lý chuyên trách

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, (Quyền) Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị | 1.093.863.900 | 856.288.560 |
| Ông Nguyễn Xuân Diện | 424.254.000 | 288.276.080 |
| Ông Mai Quốc Long | 300.981.000 | - |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | 74.388.000 | 110.400.000 |
| Ông Lê Tuấn Hải | 74.388.000 | 110.400.000 |
| Ông Vũ Xuân Dũng | 219.852.900 | - |
| Ông Nguyễn Văn Thúy | - | 347.212.480 |
| Thu nhập của Ban Giám đốc, (Quyền) Kế toán trưởng | 1.420.523.200 | 1.899.932.440 |
| Ông Nguyễn Hoàng Hải | 332.135.000 | 336.747.000 |
| Thành viên khác Ban Giám đốc | 750.632.000 | 1.005.442.540 |
| Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh - Quyền Kế toán trưởng | 337.756.200 | 162.758.900 |
| Ông Lê Thế Sơn - Kế toán trưởng | - | 394.984.000 |
| Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát | 589.207.000 | 231.475.300 |
| Trưởng Ban Kiểm soát | 440.431.000 | 171.475.300 |
| Thành viên khác | 148.776.000 | 60.000.000 |

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT THUÊ

Cam kết thuê chủ yếu phản ánh hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như đã trình bày ở Thuyết minh số 21.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Cổ đông trong năm không bao gồm 694.008.677.513 VND (năm trước: 0 VND), là số tiền cổ tức được chia cho các cổ đông theo các quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng Quản trị mà chưa thực hiện chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

33. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh liên quan tới phần doanh thu thoái hoàn do sai số một số thiết bị đo đếm của nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 1 từ năm 2018 đến năm 2022 và chưa được ghi nhận trong năm 2022. Ảnh hưởng việc điều chỉnh hồi tố này như sau:

Thay đổi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

| Chi tiêu | Mã số | Số đầu năm | Số điều chỉnh | Số đầu năm |
|---|------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | (Số liệu đã báo cáo) | | (Trình bày lại) |
| | | VND | VND | VND |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 2.889.884.078.075 | (156.182.499.162) | 2.733.701.578.913 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 2.213.174.852.834 | (185.831.260.451) | 2.027.343.592.383 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 2.012.524.275.689 | (185.831.260.451) | 1.826.693.015.238 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 29.982.290.668 | 29.648.761.289 | 59.631.051.957 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | - | 29.648.761.289 | 29.648.761.289 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 2.889.558.861.623 | 2.272.414.281 | 2.891.831.275.904 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | 40.348.653.535 | 2.272.414.281 | 42.621.067.816 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 174.663.264 | 2.272.414.281 | 2.447.077.545 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 5.779.442.939.698 | (153.910.084.881) | 5.625.532.854.817 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 614.322.977.102 | (5.245.076.520) | 609.077.900.582 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 614.322.977.102 | (5.245.076.520) | 609.077.900.582 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 11.217.755.974 | (5.245.076.520) | 5.972.679.454 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 5.165.119.962.596 | (148.665.008.361) | 5.016.454.954.235 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.165.119.962.596 | (148.665.008.361) | 5.016.454.954.235 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước | 421a | 45.856.335.586 | (138.913.060.350) | (93.056.724.764) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | 481.202.717.339 | (9.751.948.011) | 471.450.769.328 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 5.779.442.939.698 | (153.910.084.881) | 5.625.532.854.817 |

Thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm trước | Số điều chỉnh | Năm trước |
|--|-------|----------------------|------------------|-------------------|
| | | (Số liệu đã báo cáo) | | (Trình bày lại) |
| | | VND | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | 5.277.791.567.042 | (12.189.935.014) | 5.265.601.632.028 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng | 10 | 5.277.791.567.042 | (12.189.935.014) | 5.265.601.632.028 |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 558.632.926.062 | (12.189.935.014) | 546.442.991.048 |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 15.506.098.359 | (15.506.098.359) | - |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 45.924.110.364 | 13.068.111.356 | 58.992.221.720 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 497.202.717.339 | (9.751.948.011) | 487.450.769.328 |

Thay đổi trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm trước | Số điều chỉnh | Năm trước |
|--|-------|----------------------|------------------|---------------------|
| | | (Số liệu đã báo cáo) | | (Trình bày lại) |
| | | VND | VND | VND |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 558.632.926.062 | (12.189.935.014) | 546.442.991.048 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 313.093.443.142 | (12.189.935.014) | 300.903.508.128 |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | (1.407.197.984.579) | 12.189.935.014 | (1.395.008.049.565) |

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Trong năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền với tỷ lệ tạm ứng lần lượt là 5,52% (01 cổ phần nhận 552 VND) và 2,86% (01 cổ phần nhận 286 VND) với thời gian đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền trong tháng 01 năm 2024 và cổ tức dự kiến được thanh toán năm 2024. Công ty ghi nhận thu nhập từ cổ tức của các công ty này tại thời điểm chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức trong năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 29 tháng 12 năm 2023 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 (Thuyết minh số 20), hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển. Tỷ lệ tạm ứng cổ tức từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển là 18,75% (1 cổ phần nhận 1.875 VND), thời gian đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức là ngày 22 tháng 01 năm 2024 và cổ tức dự kiến được thanh toán ngày 28 tháng 6 năm 2024. Công ty ghi nhận cổ tức từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển phải trả cho các cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức trong năm 2024.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức lần 1 từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết số 263/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2023 với số tiền 87.724.553.918 VND.

Nguyễn Đức Tâm
Người lập biểu

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Quản lý Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024